

Số: 415/BC-TKT

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng Bảy và 7 tháng năm 2026

Kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội tháng Bảy và 7 tháng năm 2026 diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường; xung đột địa chính trị, biến động giá năng lượng, nguyên vật liệu, chi phí vận tải và nhu cầu tại các thị trường xuất khẩu tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trong nước, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định; các chính sách thúc đẩy tăng trưởng, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công tiếp tục được triển khai; mô hình chính quyền địa phương hai cấp từng bước đi vào hoạt động, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Trong tháng Bảy, thành phố Hà Nội nghiêm túc thực hiện kết luận chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc với Thành ủy Hà Nội ngày 08/7/2026, trong đó yêu cầu Thành phố xác định mục tiêu tăng trưởng hai con số là nhiệm vụ chính trị quan trọng, xây dựng kịch bản tăng trưởng cụ thể đến từng ngành, lĩnh vực; UBND Thành phố đã ban hành Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 23/7/2026 về kịch bản tăng trưởng và triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thực hiện mục tiêu GRDP tăng trưởng “2 con số” trong 6 tháng cuối năm 2026. Nhờ đó, tình hình kinh tế - xã hội Thủ đô tháng 7/2026 tiếp tục xu hướng tích cực với nhiều điểm sáng như: Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 9,4%; vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tăng 94,7%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 19,6%; doanh thu vận tải và các hoạt động hỗ trợ tăng 24,7%; khách du lịch đến Hà Nội do cơ sở lưu trú phục vụ tăng 25,3%; kim ngạch xuất khẩu tăng 14,8%. Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao tiếp tục được quan tâm; an sinh xã hội, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội cơ bản được bảo đảm. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất, kinh doanh vẫn đối mặt với áp lực giá cả, chi phí nguyên vật liệu và logistics tăng cao, số doanh nghiệp ngừng hoạt động và giải thể tăng. Kết quả chủ yếu các ngành, lĩnh vực trong tháng Bảy và 7 tháng năm 2026 như sau:

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

1.1. Nông nghiệp

Hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tháng tập trung vào gieo cấy lúa và trồng cây màu vụ Mùa; chăm sóc và phát triển đàn gia súc,

gia cầm. Tính đến 20/7/2026, toàn Thành phố cơ bản hoàn thành công tác gieo cấy lúa với 57,0 nghìn ha, bằng 83,4% cùng kỳ năm trước (đạt 85,5% kế hoạch). Diện tích gieo cấy lúa giảm chủ yếu do chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp phục vụ các dự án trọng điểm của Thành phố; một số diện tích trồng lúa không hiệu quả tiếp tục chuyển đổi sang các hình thức khác như trồng cây hàng năm có năng suất, sản lượng, giá trị kinh tế cao hơn, trồng cây lâu năm và nuôi trồng thủy sản... Hiện nay, cây lúa đang giai đoạn đẻ nhánh rõ; diện tích trà sớm giai đoạn cuối đẻ nhánh, phân hóa đòng. Diễn biến thời tiết thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng và phát triển. Tình hình sâu bệnh gây hại nhẹ trên lúa và cây rau màu.

Về cây màu vụ Mùa, tính đến giữa tháng Bảy, tổng diện tích gieo trồng ước đạt 15,2 nghìn ha, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước (đạt 75,4% kế hoạch). Trong đó: Diện tích trồng ngô đạt 2.366 ha, tăng 1,2%; khoai lang 124 ha, tăng 10,7%; đậu tương 119 ha, bằng 88,8%; lạc 425 ha, gấp 2,1 lần; rau 7.475 ha, tăng 1,6%; đậu 212 ha, tăng 86,0%. Tính chung 7 tháng năm 2026, toàn Thành phố gieo trồng được 9.978 ha ngô, bằng 94,9% cùng kỳ năm 2025; khoai lang 1.213 ha, tăng 1,2%; đậu tương 1.014 ha, bằng 93,1%; lạc 1.928 ha, tăng 15,4%; rau các loại 31,3 nghìn ha, bằng 97,4%; đậu 450 ha, tăng 32,4%.

Chăn nuôi trong tháng nhìn chung ổn định, không có dịch bệnh lớn xảy ra. Đàn lợn (không bao gồm lợn con chưa tách mẹ) hiện có 1,24 triệu con, giảm 1,2% so với cùng kỳ; đàn trâu 26,7 nghìn con, giảm 5,0%; đàn bò 108,8 nghìn con, giảm 5,3%; đàn gia cầm 38,3 triệu con, tăng 1,5% (đàn gà 29,0 triệu con, tăng 1,6%).

Số lượng gia súc, gia cầm có đến cuối tháng Bảy năm 2026

(So với cùng kỳ năm trước)



Tình hình dịch bệnh: Trong tháng 7/2026, bệnh Dịch tả lợn châu Phi ghi nhận tại 01 hộ chăn nuôi trên địa bàn xã Suối Hai; tiêu hủy 38 con, trọng lượng 1.607 kg thịt. Lũy kế 7 tháng năm 2026, dịch tả lợn châu Phi xuất hiện tại 22 hộ trên địa bàn 18 thôn thuộc 12 xã, tổng số lợn tiêu hủy 4.395 con, tương đương 148 tấn thịt. Hiện nay, ổ Dịch tả lợn châu Phi trên địa bàn Thành phố đã qua 13 ngày không phát sinh bệnh. Các ngành chức năng của Thành phố tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh tại cơ sở; tăng cường kiểm tra tình hình chăn nuôi để kịp thời phát hiện, khoanh vùng và xử lý nhanh gọn khi có ổ dịch xảy ra; tổ chức tiêm phòng tốt các loại vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm theo kế hoạch.

1.2. Lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất lâm nghiệp trong tháng tập trung vào công tác chăm sóc, bảo vệ rừng. Tháng Bảy sản lượng gỗ khai thác ước đạt 1.800 m³, giảm 4,8% so với cùng kỳ năm 2025. Tính chung 7 tháng năm 2026, diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 84 ha, bằng 98,8% cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán 360 nghìn cây, bằng 95,2%; sản lượng gỗ khai thác 11,2 nghìn m³, bằng 95,0%.

Trong tháng trên địa bàn không xảy ra cháy gây thiệt hại về rừng. Lũy kế từ đầu năm đến nay, trên địa bàn xảy ra 05 vụ cháy rừng với diện tích 3,4 ha, chủ yếu cháy thảm thực bì, cây bụi không ảnh hưởng lớn đến tài nguyên rừng.

Sản xuất thủy sản ổn định, diện tích thả nuôi tháng Bảy ước đạt 4.800 ha, tăng 1,0% so với cùng kỳ năm 2025; sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 11,7 nghìn tấn (chủ yếu là cá), tăng 4,5%; sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 218 tấn, giảm 0,5%. Tính chung 7 tháng năm 2026, diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt 23 nghìn ha, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước; tổng sản lượng thủy sản đạt 75,6 nghìn tấn, tăng 4,3%, trong đó thủy sản nuôi trồng đạt 74,8 nghìn tấn, tăng 4,4%; sản lượng thủy sản khai thác 875 tấn, giảm 0,6%.

2. Sản xuất công nghiệp

Nhờ có nhiều đơn hàng xuất khẩu lớn và các đơn hàng phục vụ thị trường trong nước được duy trì ổn định, chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 7/2026 tăng 1,5% so với tháng trước và tăng 9,4% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,8% và tăng 9,1%; sản xuất và phân phối điện tăng 0,7% và tăng 11,3%; cung cấp nước và xử lý rác, nước thải giảm 3,4% và tăng 14,2%; ngành khai khoáng giảm 11,3% và tăng 3,3%. Ước tính 7 tháng năm 2026, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,8%; sản xuất, phân phối điện tăng 9,8%; cung cấp nước, xử lý rác, nước thải tăng 9,1%; khai khoáng tăng 5,9%.

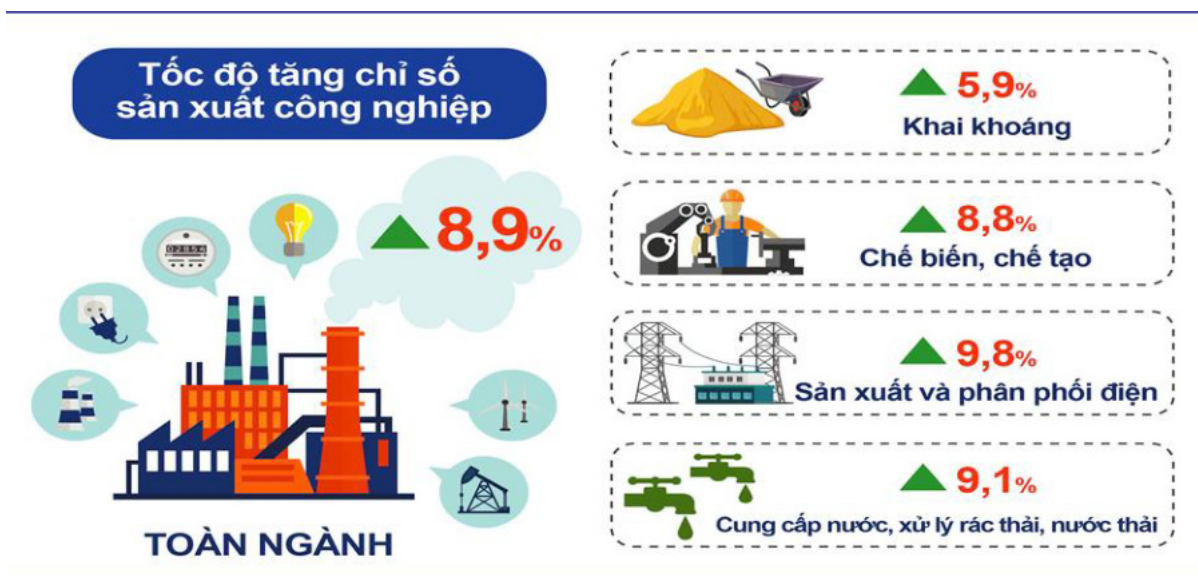
Ngành công nghiệp khai khoáng: Tháng 7/2026 giảm 11,3% so với tháng trước và tăng 3,3% so với tháng cùng kỳ năm 2025; cộng dồn 7 tháng năm 2026 tăng 5,9% so với cùng kỳ năm 2025. Mặc dù Hà Nội không có nhiều tài nguyên khoáng sản để khai thác quy mô lớn nhưng việc phát triển ngành này vẫn góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp phụ trợ, vật liệu xây dựng và các ngành nghề liên quan đến khoáng sản.

Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo: Tháng 7/2026 tăng 1,8% so với tháng trước và tăng 9,1% so với tháng 7 năm 2025; cộng dồn 7 tháng năm 2026 tăng 8,8% so với cùng kỳ năm 2025. Một số ngành chế biến, chế tạo có chỉ số IIP 7 tháng năm nay tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 18,1%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 17,1%; sản xuất kim loại tăng 15,7%; sản xuất đồ uống tăng 12,6%; sản xuất phương tiện vận tải tăng 11,8%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 11,4%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại tăng 11,1%; sản xuất thiết bị điện tăng 10,1%. Bên cạnh đó, 2/23 ngành chỉ số IIP giảm so với cùng kỳ: Sản xuất giường, tủ, bàn ghế giảm 4,4%; sản xuất trang phục giảm 0,3%.

Ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng và hơi nước và điều hòa không khí: Chỉ số sản xuất tháng 7/2026 tăng 0,7% so tháng trước (do đang cao điểm mùa nắng nóng khiến cho nhu cầu tiêu dùng điện tăng) và tăng 11,3% so với cùng kỳ tháng 7/2025; cộng dồn 7 tháng năm 2026 tăng 9,8% so với cùng kỳ năm 2025. Trước nhu cầu tiêu dùng điện tăng cao, Thành phố đã chủ động xây dựng các kịch bản ứng phó đảm bảo cung ứng đầy đủ điện trong mọi tình huống.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 7 tháng năm 2026

(So với cùng kỳ năm trước)



Ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải: Chỉ số sản xuất tháng 7/2026 giảm 3,4% so với tháng trước và tăng 14,2% so với tháng 7/2025; Cộng dồn 7 tháng năm 2026 tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2025. Hoạt động cung cấp nước và hoạt động xử lý rác, nước thải diễn ra thường xuyên, ổn định, đảm bảo đáp ứng nhu cầu người dân và doanh nghiệp.

Tốc độ tăng/giảm một số sản phẩm sản xuất công nghiệp chủ yếu
(So với cùng kỳ năm trước)

	<i>Đơn vị tính: %</i>	
	Tháng Bảy năm 2026	7 tháng năm 2026
<i>Một số sản phẩm tăng</i>		
Cửa bằng plastic	178,4	167,6
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	157,6	160,8
Bao bì và túi bằng giấy	151,2	143,3
Máy copy - in	129,1	141,5
Sản phẩm sử dụng vệ sinh gắn cố định	109,6	120,5
Thùng, hộp bằng bìa cứng	106,6	117,1
Thuốc dạng viên các loại	129,3	116,9
<i>Một số sản phẩm giảm</i>		
Sữa và kem chưa cô đặc	67,6	81,5
Ghế có khung bằng kim loại	83,3	82,3
Giấy và bìa nhẵn	100,1	85,1
Thuốc trừ sâu	102,5	85,4
Kẹo cứng, kẹo mềm	85,1	89,1
Bàn bằng gỗ các loại	87,4	91,2

Tình hình sử dụng lao động tại các doanh nghiệp: Dự kiến chỉ số sử dụng lao động trong doanh nghiệp tháng 7/2026 giảm 0,2% so với tháng 6/2026, tăng 2,3% so với tháng 7/2025. Cộng dồn 7 tháng năm 2026 chỉ số sử dụng lao động tăng 0,2% so với 7 tháng năm 2025. Chia theo khu vực: Doanh nghiệp nhà nước tăng 2,1%; doanh nghiệp FDI tăng 1,7%; doanh nghiệp ngoài nhà nước giảm 2,8%.

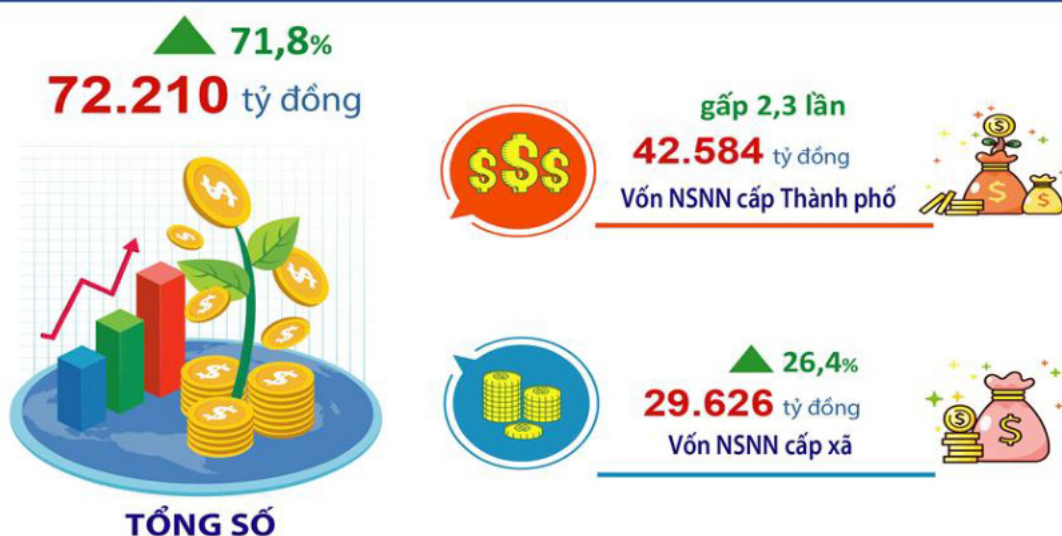
3. Thực hiện vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước

Trong tháng Bảy, giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn Thành phố tiếp tục đạt kết quả tích cực nhờ các giải pháp điều hành đồng bộ và hiệu quả. Công tác giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư được cải thiện sau khi vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp đã rút ngắn thời gian triển khai dự án, góp phần đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm. Đà giải ngân tích cực của

đầu tư công đã tạo hiệu ứng lan tỏa, thu hút đầu tư ngoài nhà nước và FDI, góp phần củng cố động lực tăng trưởng kinh tế của Thủ đô trong những tháng cuối năm 2026.

Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách Nhà nước (NSNN) do địa phương quản lý tháng 7/2026 ước tính đạt 16.412 tỷ đồng, tăng 19,4% so với tháng trước và tăng 94,7% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó: NSNN cấp Thành phố thực hiện 10.467 tỷ đồng, tăng 24,1% và gấp 2,7 lần; NSNN cấp xã 5.945 tỷ đồng, tăng 11,9% và tăng 29,1%. Tính chung 7 tháng năm 2026, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN do địa phương quản lý đạt 72.210 tỷ đồng, tăng 71,8% so với cùng kỳ năm trước và đạt 46,3% kế hoạch cả năm, trong đó: NSNN cấp Thành phố thực hiện 42.584 tỷ đồng, gấp 2,3 lần và đạt 43,8%; NSNN cấp xã 29.626 tỷ đồng, tăng 26,4% và đạt 50,5%.

Vốn đầu tư thực hiện từ NSNN do địa phương quản lý 7 tháng năm 2026
(So với cùng kỳ năm trước)



Công tác giải phóng mặt bằng và tháo gỡ vướng mắc thủ tục đầu tư được Thành phố xác định là nhiệm vụ trọng tâm, có tính quyết định đến tiến độ hấp thụ vốn ngân sách. Nhiều điểm nghẽn kéo dài tại các dự án hạ tầng chiến lược đã được xử lý dứt điểm như: Dự án cầu Trần Hưng Đạo tiếp nhận đạt 77,5% mặt bằng, các hạng mục cọc khoan nhồi cầu chính và cầu dẫn đang được thi công đồng loạt; dự án Vành đai 2,5 hoàn thành bàn giao mặt bằng đoạn Ngụy Như Kon Tum - Nguyễn Trãi đạt 100%; dự án Vành đai 3,5 tập trung hoàn thành giải phóng mặt bằng đất nông nghiệp và đất ở trước ngày 30/7/2026. Song song với việc tháo gỡ các dự án đang triển khai, Thành phố cũng khởi công một số dự án quy mô lớn, trong đó có dự án Trục không gian Quốc lộ 1A theo phương thức PPP - hợp đồng BT và các hồ điều hòa trọng điểm phục vụ chống ngập úng khu vực phía Tây như hồ Phú Đô, hồ Mỹ Trì, cụm hồ Yên Nghĩa. Đây là những công trình vừa có tác động trực tiếp đến năng lực hạ tầng đô thị, vừa tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư tư nhân theo các trục phát triển mới.

Về kỷ luật quản trị vốn, Thành phố tiếp tục yêu cầu các chủ đầu tư cụ thể hóa lộ trình giải ngân đến từng dự án, gắn kết quả thực hiện với trách nhiệm người đứng đầu. Cơ chế giám sát xuyên suốt từ cấp Thành phố đến cấp xã được vận hành hiệu quả hơn nhờ mô hình quản lý hành chính hai cấp đã rút ngắn đáng kể thời gian phản hồi và xử lý phát sinh tại công trường. Trọng tâm phân bổ vốn trong những tháng cuối năm tiếp tục được định hướng vào các công trình hạ tầng giao thông chiến lược có sức lan tỏa lớn như đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô, các cầu vượt sông Hồng, hệ thống đường sắt đô thị và các dự án chống ngập, những công trình vừa tạo dư địa mở rộng không gian đô thị, vừa kích hoạt dòng vốn đầu tư tư nhân theo các trục phát triển mới. Đặc biệt vào ngày 15/7/2026, tại Kỳ họp thứ năm, HĐND thành phố Hà Nội khóa XVII đã thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung 15.000 tỷ đồng vào Kế hoạch đầu tư công năm 2026 từ nguồn tăng thu ngân sách cấp Thành phố năm 2025, ưu tiên bố trí cho các dự án lớn, trọng điểm, khẩn cấp và các nhiệm vụ giải quyết 5 điểm nghẽn do UBND Thành phố xác định. Đồng thời, Nghị quyết cho phép điều chỉnh linh hoạt kế hoạch vốn giữa các hạng mục, từ thiết kế, bồi thường sang xây lắp, nhằm rút ngắn độ trễ giữa phân bổ và hấp thụ vốn thực tế. Những giải pháp đồng bộ này đặt nền tảng để Thành phố phấn đấu hoàn thành mục tiêu giải ngân toàn bộ khoảng 91.000 tỷ đồng còn lại trong những tháng cuối năm, qua đó củng cố vai trò đầu tư công là "vốn môi" dẫn dắt tăng trưởng kinh tế Thủ đô năm 2026.

4. Tình hình triển khai một số dự án thuộc vốn ngân sách nhà nước

(1) Nhóm dự án đường Vành đai.

* *Dự án Vành đai 1 đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục* đã cơ bản hoàn thành giải phóng mặt bằng, hoàn tất di dời cây xanh và bước vào giai đoạn thi công cao điểm. Hai cầu vượt trên tuyến cũng đang được gấp rút thi công, trong đó cầu vượt Láng Hạ đã hoàn thành 6/6 trụ, cầu vượt Nguyễn Chí Thanh đang thi công các trụ chính. Dự kiến trước ngày 2/9/2026, dự án sẽ hoàn thành toàn bộ nền đường và hoàn thành hai cầu vượt trước ngày 31/12/2026.

* *Dự án Vành đai 4 - Vùng Thủ đô*: Hơn 98,8% chiều dài tuyến đã được bàn giao mặt bằng, với tổng diện tích khoảng 1.426 ha. Về tiến độ thi công đối với dự án thành phần xây dựng đường song hành (đường đô thị) địa phận thành phố Hà Nội: Đã thi công được khoảng 35/51,5km bê tông nhựa. Giá trị sản lượng đến nay ước được khoảng 3.596/4.205 tỷ đồng (đạt khoảng 85%), phấn đấu hoàn thành toàn bộ đường song hành trong quý III/2026.

* *Dự án đường Vành đai 2,5*: Dự án hầm chui tại nút giao đường Vành đai 2,5 - đường Giải phóng đã hoàn thành trong Quý I/2026 ; đoạn Đàm Hồng - QL1A đã cơ bản thi công hoàn thành 1,6 km đường đã thông xe kỹ thuật ngày 10/2/2026. Đoạn 1 Khu đô thị mới Dịch Vọng - Dương Đình Nghệ, đoạn 2 Vũ Phạm Hàm - Trần Duy Hưng; đoạn 3 Ngụy Như Kon Tum - Nguyễn Trãi đến

ngày 20/5/2026, đoạn 1 đã hoàn thành công tác GPMB, đoạn 2 đã bàn giao mặt bằng đạt khoảng 47,54%; đoạn 3 đã bàn giao mặt bằng đạt 100%. Hiện, các Nhà thầu đang triển khai thi công hạng mục cống thoát nước dọc, móng cống thoát nước, nền đường đoạn Dịch vọng - Dương Đình Nghệ và triển khai thi công trên các đoạn khác.

** Dự án đường Vành đai 3,5 đoạn từ cầu Thượng Cát đến QL32:* Chủ đầu tư đã tiếp nhận mặt bằng 10.203 m² đất giao thông từ phân nút giao Tây Thăng Long trên địa bàn phường Tây Tựu, Thượng Cát. Các phường xã đang đẩy mạnh công tác GPMB, phần đầu hoàn thành toàn trước 31/7/2026 theo chỉ đạo của Thành uỷ tại thông báo số 398-TB/TU ngày 29/4/2026. Trên phạm vi mặt bằng được bàn giao, nhà thầu đang triển khai đúc cầu kiện đúc sẵn.

(2) Nhóm Dự án cầu lớn vượt sông Hồng (07 cầu).

Hà Nội đang tăng tốc triển khai 7 dự án cầu qua sông Hồng, gồm Cầu Tứ Liên, cầu Ngọc Hồi, cầu Trần Hưng Đạo, cầu Thượng Cát, cầu Vân Phúc, cầu Hồng Hà và cầu Mễ Sở. Dự kiến hoàn thành vào quý II/2027 nhằm phục vụ Hội nghị APEC 2027. Đến nay, các dự án cầu qua sông Hồng trên địa bàn Hà Nội đang được triển khai đồng loạt với nhiều hạng mục đạt tiến độ đáng kể. Trong đó, dự án thành phần 2 cầu Tứ Liên đã tiếp nhận và bàn giao cho nhà thầu thi công 80,2% mặt bằng. Việc thi công đã hoàn thành toàn bộ cọc khoan nhồi trụ chính, đang triển khai bệ trụ; đồng thời hoàn thành 794/1.336 cọc khoan nhồi D800 thuộc hạng mục hầm chui Quốc lộ 5 và các hạng mục đường tạm phục vụ tổ chức giao thông tại khu vực Nghi Tàm

Dự án cầu Hồng Hà và cầu Mễ Sở tiếp tục tăng tốc thi công; cầu Hồng Hà đạt 798/941 cọc khoan nhồi, 28/70 bệ trụ, 23/70 thân trụ và hoàn thành 27/450 dầm Super-T. Cầu Mễ Sở đạt 360/596 cọc khoan nhồi, 15 bệ trụ, hoàn thành 5 thân trụ và 13 dầm Super-T. Các dự án còn lại cũng đạt tiến độ thi công như kế hoạch đề ra.

(3) Dự án đường quốc lộ và các tuyến đường trọng điểm, quan trọng.

Dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhón - Ga Hà Nội: Công tác khoan hầm bằng hai robot TBM (TBM 1 mang tên “Thần tốc”, TBM 2 mang tên “Táo bạo”) tại Dự án tuyến đường sắt đô thị Nhón - Ga Hà Nội đã hoàn thành toàn bộ. Việc tháo dỡ TBM số 2 tại ga S12 đánh dấu một cột mốc quan trọng của gói thầu CP03 - Hầm và các ga ngầm, tạo điều kiện để dự án chuyển sang các công đoạn thi công tiếp theo, hướng tới mục tiêu hoàn thành toàn tuyến trong thời gian tới. Hiện Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội cùng các đơn vị liên quan đang tiếp tục xử lý một số tồn tại về giải phóng mặt bằng tại khu vực ga S12 và ga S9 nhằm bảo đảm tiến độ triển khai các hạng mục còn lại của dự án.

Song song với việc triển khai những dự án hạ tầng kỹ thuật, giao thông đô thị, Hà Nội cũng đang triển khai nhiều dự án thoát nước, hồ điều hòa nhằm hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật thoát nước, góp phần vào sự phát triển hạ tầng đô thị bền vững của thành phố. Điển hình như:

**Dự án Hồ điều hòa Mễ Trì (Đồng Bông 2):* Nằm tại phường Đại Mỗ, dự án có vốn đầu tư gần 400 tỷ đồng, được khởi công từ đầu năm 2026. Dự án đã hoàn thành khoảng 65% khối lượng thi công các hạng mục chính. Đã cơ bản hoàn thành kè bao quanh hồ. Công tác đào đất và nạo vét lòng hồ đã cơ bản hoàn thành. Hệ thống cống điều tiết, cống dẫn và tiêu thoát nước đã hoàn thành 5/6 hạng mục, hạng mục còn lại đang được gấp rút hoàn thiện.

** Dự án Hồ điều hòa Cự Khối:* Nằm trên địa bàn phường Long Biên, khởi công vào cuối năm 2025 với tổng diện tích 30,25 ha. Dự án thuộc gói đầu tư 972,5 tỷ đồng gồm tuyến mương Việt Hưng - Cầu Bây. Hiện dự án đang được đẩy nhanh tiến độ thi công cả ngày và ban đêm nhằm đảm bảo tiến độ.

**Dự án Cụm hồ điều hòa Yên Nghĩa 1 và 2:* Nằm tại khu vực xã An Khánh, có tổng diện tích 25 ha, vốn đầu tư hơn 1.100 tỷ đồng đang được thi công khẩn trương nhằm tăng năng lực thoát nước cho khu vực phía Tây.

**Dự án hồ điều hòa Phú Đô (phường Từ Liêm, Hà Nội):* Có tổng mức đầu tư 1.167 tỷ đồng, là công trình chống ngập khẩn cấp trọng điểm của Thành phố được khởi công đầu năm 2026 nhằm giải quyết tình trạng úng ngập kéo dài cho khu vực phía Tây Hà Nội. Dự án đến nay đạt 35% tổng khối lượng đề ra đang đẩy mạnh đào đắp lòng hồ, gia cố bờ bao xung quanh trước mùa mưa lũ.

** Dự án Hồ điều hòa Thụy Phương:* Nằm tại phường Đông Ngạc với diện tích 14,5 ha và tổng vốn đầu tư hơn 700 tỷ đồng, đã được khởi công và đang triển khai thi công các hạng mục chính, nhằm tăng khả năng điều tiết nước, giảm ngập úng và cải thiện cảnh quan khu vực.

** Dự án Hồ Chèm & Hồ Liên Mạc 1:* Là hai dự án cấp bách có quy mô lần lượt là 9 ha và 13 ha, đang trong giai đoạn hoàn tất bàn giao mặt bằng và triển khai thi công.

5. Đăng ký doanh nghiệp và thu hút đầu tư nước ngoài

5.1. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng Bảy, thành phố Hà Nội đã cấp giấy chứng nhận cho 2.847 doanh nghiệp thành lập mới, giảm 8,0% so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký đạt 38,1 nghìn tỷ đồng, tăng 55,0%; 1.091 doanh nghiệp hoạt động trở lại, tăng 44,0%; 2.850 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 48,0%; 1.305 doanh nghiệp giải thể, tăng 96,0%.

Tính chung 7 tháng năm 2026, Thành phố đã cấp giấy chứng nhận cho 21,6 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với vốn đăng ký 424,7 nghìn tỷ đồng, tăng 15,0% về số lượng doanh nghiệp và gấp 2,3 lần vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước; 8,5 nghìn doanh nghiệp hoạt động trở lại, tăng 26,0%; 23,8 nghìn doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 12,0%; 7,3 nghìn doanh nghiệp giải thể, tăng 50,0%. Tỷ lệ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng được duy trì 100%, đảm bảo chất lượng và đúng hạn.

Tình hình doanh nghiệp 7 tháng năm 2026

(So với cùng kỳ năm trước)



5.2. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Trong tháng Bảy, thành phố Hà Nội thu hút 133,2 triệu USD vốn FDI, trong đó: 51 dự án được cấp phép mới với tổng vốn đăng ký đạt 110,7 triệu USD; có 19 dự án được điều chỉnh tăng vốn đầu tư với số vốn đăng ký thêm đạt 18,4 triệu USD; nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần 26 lượt, đạt 4,1 triệu USD. Tính chung 7 tháng năm 2026, toàn Thành phố thu hút 3.388 triệu USD vốn FDI, giảm 9,7% so với cùng kỳ năm 2025, đạt 75,3% mục tiêu cả năm, trong đó: Đăng ký cấp mới 192 dự án với số vốn đạt 514,3 triệu USD; 88 dự án bổ sung tăng vốn đầu tư với số vốn đăng ký đạt 461,7 triệu USD; 211 lượt nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần đạt 2.412 triệu USD.

Về cơ cấu ngành, lĩnh vực: Tính đến ngày 27/7/2026, tổng vốn đăng ký cấp mới, tăng thêm và góp vốn, mua cổ phần trên địa bàn thành phố Hà Nội đạt khoảng 3.388 triệu USD, phân bổ theo các lĩnh vực chủ yếu như sau: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ dẫn đầu với khoảng 2.233 triệu USD (chiếm trên 65% tổng vốn FDI), chủ yếu thông qua các giao dịch góp vốn, mua cổ phần quy mô lớn. Thông tin và truyền thông đạt khoảng 298,7 triệu USD; kinh doanh bất động sản đạt khoảng 295,4 triệu USD; cấp nước và xử lý chất

thải đạt khoảng 220,2 triệu USD; thương mại bán buôn, bán lẻ đạt khoảng 156,4 triệu USD; dịch vụ lưu trú và ăn uống đạt khoảng 59,5 triệu USD; xây dựng đạt khoảng 46,3 triệu USD; công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khoảng 33,2 triệu USD. Các lĩnh vực còn lại (vận tải kho bãi, nông nghiệp, y tế, giáo dục, tài chính - ngân hàng) có phát sinh dự án nhưng quy mô vốn còn nhỏ. Cơ cấu FDI cho thấy dòng vốn đang dịch chuyển tích cực theo hướng tăng tỷ trọng công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, dịch vụ số và R&D, giảm dần phụ thuộc vào các dự án sử dụng nhiều đất và lao động, phù hợp với định hướng thu hút FDI chất lượng cao của Thành phố.

6. Hoạt động thương mại

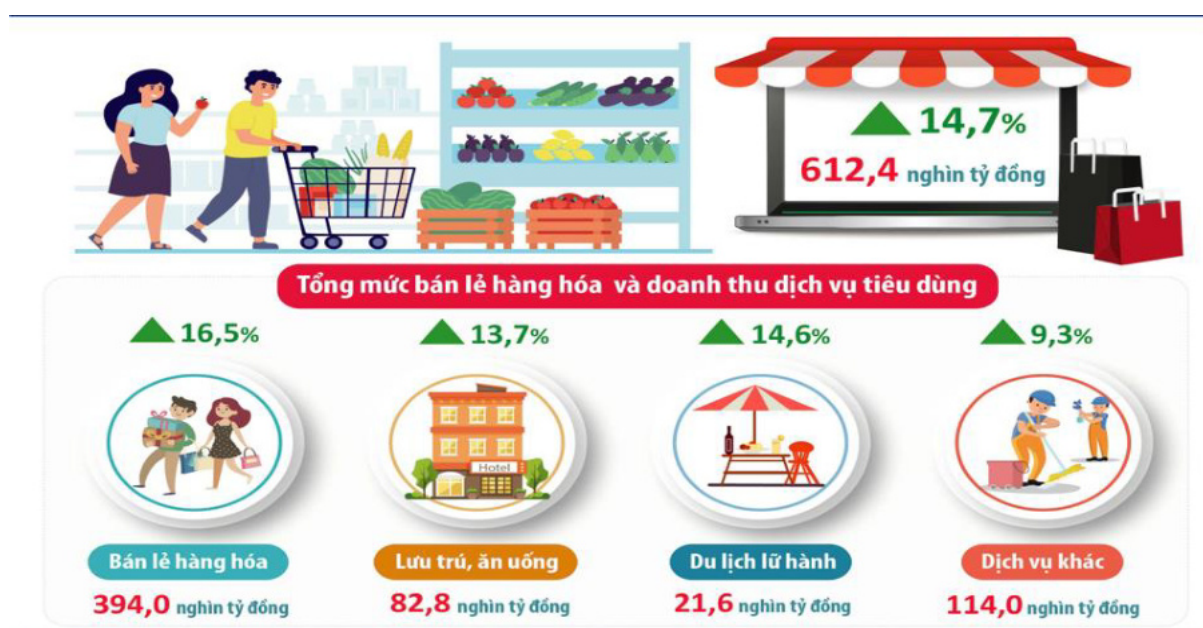
Sang tháng Bảy, bức tranh thương mại - dịch vụ trên địa bàn thành phố Hà Nội ghi nhận đà tăng trưởng tích cực, tiếp tục giữ vai trò trụ cột quan trọng cho tăng trưởng kinh tế của Thủ đô. Thành phố triển khai nhiều chương trình Tháng khuyến mại quốc gia 2026 cùng hàng loạt chính sách ưu đãi sâu đã góp phần đẩy sức mua trên thị trường tăng trưởng tích cực. Hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại và chuỗi bán lẻ hiện đại đẩy mạnh các kênh bán hàng trực tuyến kết hợp trực tiếp, đảm bảo nguồn cung dồi dào. Bên cạnh đó, tháng Bảy cũng là cao điểm của mùa du lịch hè, tạo đòn bẩy lớn cho các ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống, lễ hành và vui chơi giải trí, lượng khách du lịch trong và ngoài nước tăng mạnh đã mang lại nguồn thu đáng kể cho hạ tầng dịch vụ Thủ đô.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Bảy ước tính đạt 93,2 nghìn tỷ đồng, tăng 2,0% so với tháng trước và tăng 19,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 59,2 nghìn tỷ đồng, tăng 1,7% và tăng 23,8% (Nhiên liệu khác tăng 27,1%; phương tiện đi lại trừ ô tô con tăng 26,6%; xăng dầu tăng 25,5%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 24,3%; ô tô con tăng 23,8%; lương thực, thực phẩm tăng 23,1%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 19,3%; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 18,9%; hàng may mặc tăng 18,7%; hàng hóa khác tăng 30,0%). Doanh thu lưu trú và ăn uống đạt 13,1 nghìn tỷ đồng, tăng 2,3% và tăng 15,7%. Doanh thu du lịch lễ hành đạt 3,5 nghìn tỷ đồng, tăng 3,0% và tăng 19,1%. Doanh thu dịch vụ khác đạt 17,4 nghìn tỷ đồng, tăng 2,4% và tăng 9,8%.

Tính chung 7 tháng năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 612,4 nghìn tỷ đồng, tăng 14,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 394,0 nghìn tỷ đồng, chiếm 64,4% tổng mức và tăng 16,5% (đá quý, kim loại quý tăng 30,4%; xăng dầu tăng 19,0%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 17,9%; lương thực, thực phẩm tăng 15,9%; ô tô con tăng 15,2%; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 15,1%; hàng may mặc tăng 14,4%; nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) tăng 13,8%; hàng hóa khác tăng

16,3%). Doanh thu lưu trú, ăn uống đạt 82,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 13,5% và tăng 13,7% (dịch vụ lưu trú tăng 14,2%; dịch vụ ăn uống tăng 13,7%). Doanh thu du lịch lữ hành đạt 21,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 3,5% và tăng 14,6%. Doanh thu dịch vụ khác đạt 114,0 nghìn tỷ đồng, chiếm 18,6% và tăng 9,3%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng
7 tháng năm 2026 (So với cùng kỳ năm trước)



7. Hoạt động vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính chuyển phát

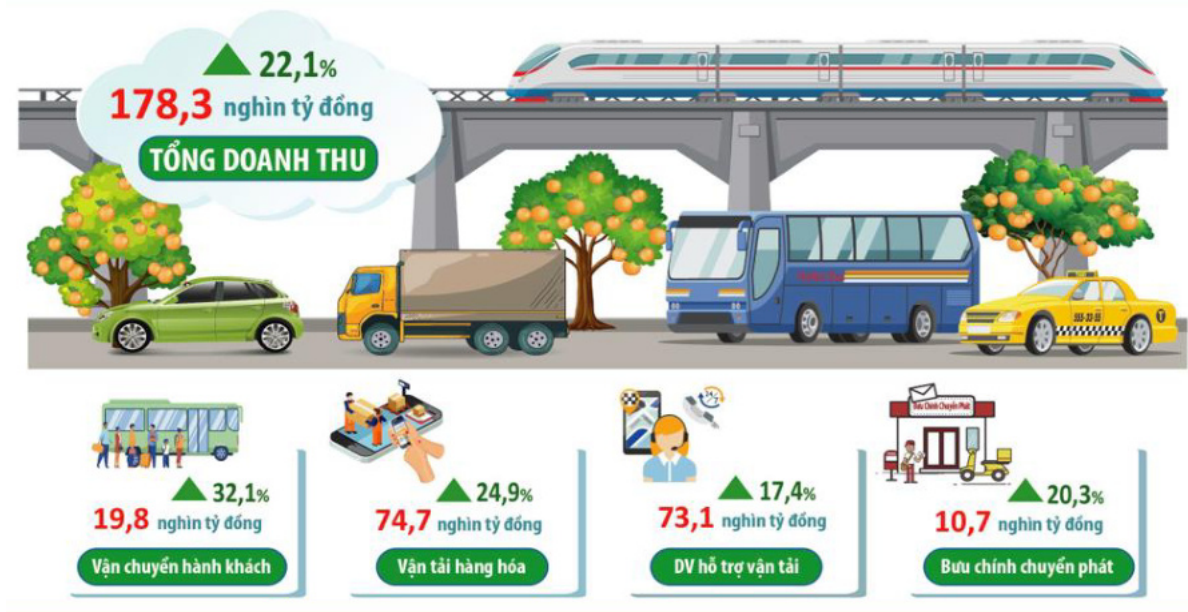
Tổng doanh thu hoạt động vận tải, hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát tháng Bảy năm 2026 ước đạt 26,4 nghìn tỷ đồng tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 24,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng năm 2026 tổng doanh thu ước đạt 178,3 nghìn tỷ đồng tăng 22,1% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó:

Vận chuyển hành khách: Số lượt hành khách vận chuyển tháng Bảy ước đạt 52,6 triệu lượt người, tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 25,2% so với cùng kỳ năm trước; số lượt hành khách luân chuyển ước đạt 1.475 triệu lượt người.km, tăng 0,8% và tăng 20,2%; doanh thu ước tính đạt 2.977 tỷ đồng, tăng 0,8% và tăng 37,0%. Tính chung 7 tháng năm 2026, số lượt hành khách vận chuyển đạt 359,3 triệu lượt người, tăng 24,2% so với cùng kỳ năm trước; số lượt hành khách luân chuyển đạt 10.116 triệu lượt người.km, tăng 19,8%; doanh thu đạt 19,8 nghìn tỷ đồng, tăng 32,1%.

Vận tải hàng hóa: Khối lượng hàng hóa vận chuyển tháng Bảy ước tính đạt 169,5 triệu tấn, tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 11,1% so với cùng kỳ năm trước; khối lượng hàng hóa luân chuyển ước tính đạt 17,9 tỷ tấn.km, tăng 0,6% và

tăng 21,5%; doanh thu ước tính đạt 11,3 nghìn tỷ đồng, tăng 0,4% và tăng 30,1%. Tính chung 7 tháng năm 2026, khối lượng hàng hóa vận chuyển đạt 1.144 triệu tấn, tăng 8,7% so với cùng kỳ năm trước; khối lượng hàng hóa luân chuyển đạt 120,7 tỷ tấn.km, tăng 18,4%; doanh thu đạt 74,7 nghìn tỷ đồng, tăng 24,9%.

Doanh thu hoạt động vận tải và bưu chính chuyển phát
7 tháng năm 2026 (So với cùng kỳ năm trước)



Doanh thu hoạt động hỗ trợ vận tải: Tháng Bảy ước tính đạt 10,6 nghìn tỷ đồng, tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 16,6% so với cùng kỳ năm 2025. Tính chung 7 tháng năm 2026, doanh thu đạt 73,1 nghìn tỷ đồng, tăng 17,4% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu dịch vụ bưu chính chuyển phát: Tháng Bảy ước tính đạt 1.585 tỷ đồng, tăng 0,4% so với tháng trước và tăng 24,3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng năm 2026, doanh thu ước đạt 10,7 nghìn tỷ đồng, tăng 20,3% so với cùng kỳ năm 2025.

8. Hoạt động du lịch

Hoạt động du lịch Thủ đô tiếp tục đà tăng trưởng mạnh mẽ trong cao điểm mùa nghỉ hè, với cơ cấu khách chuyển dịch rõ nét sang nhóm khách trải nghiệm, nghỉ dưỡng và đặc biệt là khách quốc tế. Ngay đầu tháng Bảy, Hà Nội đã đón vị khách quốc tế thứ 5 triệu trong năm 2026, cột mốc được ghi nhận sớm hơn so với kế hoạch, phản ánh sức hút ngày càng lớn của Thủ đô trên bản đồ du lịch khu vực và thế giới. Năm 2026, nền tảng TripAdvisor xếp Hà Nội là điểm đến được yêu thích thứ hai châu Á, đứng thứ tư trong Top 25 điểm đến hàng đầu thế giới, những ghi nhận quốc tế này không chỉ củng cố thương hiệu điểm đến mà còn trực tiếp thúc đẩy nhu cầu đặt tua, lưu trú và chi tiêu của du khách.

Để duy trì và nâng cao chất lượng tăng trưởng du lịch trong những tháng còn lại của năm, Thành phố tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển sản phẩm và xúc tiến điểm đến. Hà Nội dự kiến ra mắt nhiều sản phẩm du lịch mới theo hướng trải nghiệm chiều sâu văn hóa, gồm: Sản phẩm du lịch đêm "Hào khí Thánh Gióng" tại Đền Sóc, mô hình du lịch cộng đồng Mường Cốc (Mỹ Đức), mô hình "Hồn tre Đông Vũ", tuyến du lịch đường sắt chủ đề "Hà Nội 5 cửa ô" và các tuyến du lịch đường sông dọc sông Hồng. Công tác quản lý nhà nước tại các điểm đến tiếp tục được tăng cường, bảo đảm kiểm soát chất lượng dịch vụ, an ninh trật tự và bình ổn giá cả trong mùa cao điểm. Song song với đó, Thành phố đẩy mạnh chuyển đổi số ngành du lịch thông qua triển khai hệ thống vé điện tử tại các khu, điểm du lịch và xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung của ngành. Với mục tiêu cả năm 2026 đón khoảng 9,04 triệu lượt khách quốc tế, hơn 27 triệu lượt khách nội địa và tổng thu khoảng 160 nghìn tỷ đồng, du lịch tiếp tục khẳng định vai trò kinh tế mũi nhọn, đóng góp trực tiếp vào đà tăng trưởng của toàn khối dịch vụ và mục tiêu GRDP hai con số của Thủ đô trong năm 2026.

Khách du lịch đến Hà Nội¹: Theo Báo cáo của Sở Du lịch, trong tháng Bảy ước đạt 3,16 triệu lượt khách, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó: Khách du lịch quốc tế ước đạt 666,7 nghìn lượt khách, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm 2025 (*gồm 455 nghìn lượt khách du lịch quốc tế có lưu trú*); khách du lịch nội địa ước đạt 2,5 triệu lượt khách, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm 2025. Tổng thu từ khách du lịch ước đạt 12,3 nghìn tỷ đồng, tăng 11,8% so với cùng kỳ năm 2025.

Tính chung 7 tháng năm 2026, tổng khách du lịch đến Hà Nội ước đạt 21,2 triệu lượt khách, tăng 15,0% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó: Khách du lịch quốc tế ước đạt 5,3 triệu lượt khách, tăng 25,0% so với cùng kỳ năm 2025 (*gồm 3,7 triệu lượt khách du lịch quốc tế có lưu trú*); khách du lịch nội địa ước đạt 15,8 triệu lượt khách, tăng 11,9% so với cùng kỳ năm 2025. Tổng thu từ khách du lịch ước đạt 86,5 nghìn tỷ đồng, tăng 17,9% so với cùng kỳ năm 2025.

Khách du lịch đến Hà Nội do cơ sở lưu trú phục vụ²: Tháng Bảy ước đạt 690 nghìn lượt người, tăng 10,2% so với tháng trước và tăng 25,3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng năm 2026, khách du lịch đến Hà Nội do cơ sở lưu trú phục vụ đạt 5.324 nghìn lượt người, tăng 26,9% so với cùng kỳ. Trong đó:

Khách quốc tế tháng Bảy ước đạt 455 nghìn lượt người, tăng 15,7% so với tháng trước và tăng 26,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng

¹ Khách du lịch đến Hà Nội được tính số lượt khách tại các điểm tham quan di tích lịch sử (gồm cả khách trong ngày và khách lưu trú).

² Khách du lịch đến Hà Nội chỉ tính khách do cơ sở lưu trú phục vụ qua đêm.

năm 2026, khách quốc tế đạt 3.755 triệu lượt người, tăng 27,6% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó: Khách đến từ Trung Quốc đạt 491,8 nghìn lượt người, tăng 43,1%; Hàn Quốc 317,4 nghìn lượt người, tăng 8,8%; Mỹ 251,8 nghìn lượt người, tăng 28,5%; Úc 220,9 nghìn lượt người, tăng 31,9%; Anh 197,2 nghìn lượt người, tăng 15,4%; Đài Loan 195,0 nghìn lượt người, tăng 23,1%; Pháp 188,2 nghìn lượt người, tăng 23,5%; Nhật Bản 172,9 nghìn lượt người, tăng 10,5%; Đức 123,8 nghìn lượt người, tăng 23,9%; Malaysia 86,4 nghìn lượt người, tăng 29,6%; Canada 76,9 nghìn lượt người, tăng 42,7%; Singapore 66,3 nghìn lượt người, tăng 20,5%; Thái Lan 48,4 nghìn lượt người, tăng 20,6%.

Khách nội địa tháng Bảy ước đạt 235 nghìn lượt người, tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 22,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng năm 2026, khách nội địa đến Hà Nội đạt 1.569 triệu lượt người, tăng 25,2% so với cùng kỳ năm trước.

Khách du lịch đến Hà Nội do cơ sở lưu trú phục vụ 7 tháng năm 2026

(So với cùng kỳ năm trước)



Tình hình hoạt động các cơ sở lưu trú: Tính đến cuối tháng 7/2026 trên địa bàn Hà Nội có 3.769 cơ sở lưu trú với 72,4 nghìn phòng; trong đó có 63 khách sạn, khu căn hộ trong thời hạn xếp hạng từ 1-5 sao với tổng số 9.993 phòng (30 khách sạn và khu căn hộ xếp hạng 5 sao; 16 khách sạn khu căn hộ xếp hạng 4 sao; 08 khách sạn 3 sao; 5 khách sạn 2 sao và 04 khách sạn 1 sao). Số cơ sở lưu trú du lịch chưa đăng ký xếp hạng là 3.699 cơ sở lưu trú với 61.293 phòng. Công suất sử dụng phòng trung bình khối khách sạn tháng 7/2026 ước đạt 58,2% tăng 1,3 điểm % so với cùng kỳ năm 2025.

Đến nay, trên địa bàn Hà Nội hiện có 64 cơ sở kinh doanh dịch vụ được công nhận đạt chuẩn phục vụ khách du lịch, trong đó có: 28 cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, 24 cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm, 09 cơ sở kinh doanh vui chơi giải trí, 03 cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Hệ thống các cơ sở dịch vụ mua sắm, ăn uống, vui chơi giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đã thu hút, phục vụ đông đảo lượng du khách và người dân đến tham quan.

Công tác quản lý hoạt động lữ hành và hướng dẫn viên: Tính đến hết tháng 7/2026, trên địa bàn Thành phố có 2.012 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế; 584 doanh nghiệp dịch vụ lữ hành nội địa; 32 doanh nghiệp vận chuyển khách du lịch; 07 văn phòng đại diện doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài; 7.529 hướng dẫn viên du lịch quốc tế; 2.745 hướng dẫn viên du lịch nội địa và 158 hướng dẫn viên du lịch tại điểm du lịch, di tích.

9. Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Bảy ước tính đạt 2.154 triệu USD, tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 14,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước 1.211 triệu USD, tăng 0,6% và tăng 17,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 943 triệu USD, tăng 1,0% và tăng 11,1%.

Trong tháng 7/2026, một số nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng so với cùng kỳ: Phương tiện vận tải và phụ tùng 331 triệu USD, tăng 16,4%; máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện 324 triệu USD, tăng 13,8%; hàng nông sản 166 triệu USD, tăng 29,9%; xăng dầu 124 triệu USD, gấp 2,1 lần cùng kỳ năm trước; gỗ và sản phẩm từ gỗ 64 triệu USD, tăng 12,6%; thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh 34 triệu USD, tăng 14,9%; hàng hóa khác 531 triệu USD, tăng 31,3%. Bên cạnh đó, một số nhóm hàng kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ: Máy móc thiết bị phụ tùng 286 triệu USD, giảm 9,0%; hàng may, dệt 224 triệu USD, giảm 6,7%; giày dép các loại và sản phẩm từ da 46 triệu USD, giảm 0,7%; điện thoại và linh kiện 04 triệu USD, giảm 61,1%.

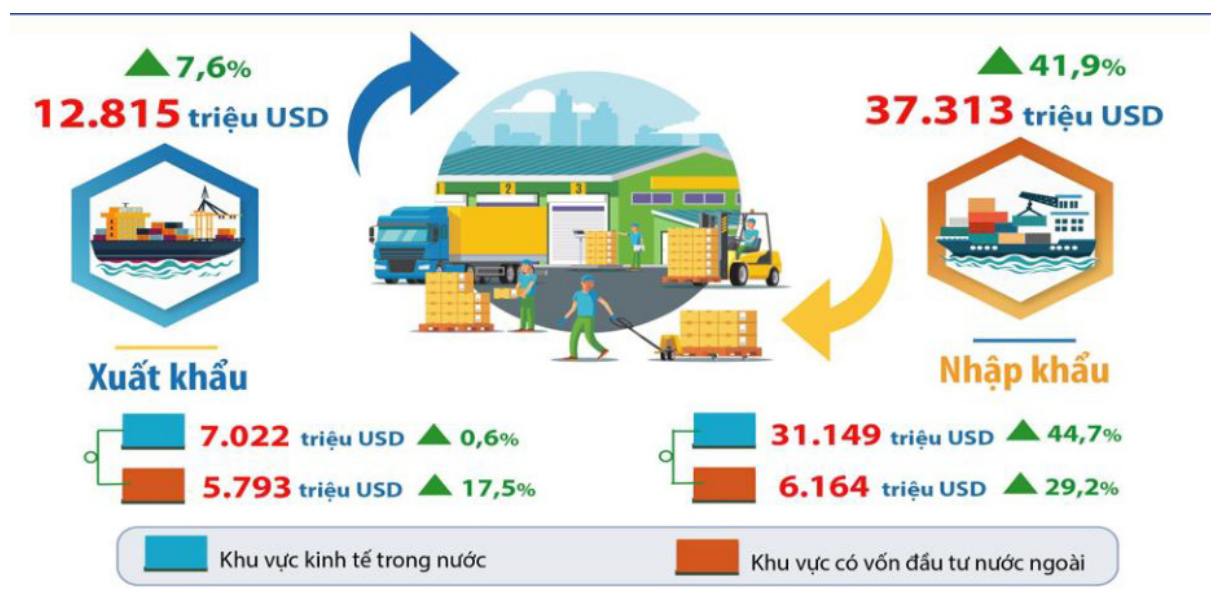
Tính chung 7 tháng năm 2026, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 12.815 triệu USD, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước 7.022 triệu USD, tăng 0,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 5.793 triệu USD, tăng 17,5%.

Trong 7 tháng năm nay, một số nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng so với cùng kỳ: Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện 1.912 triệu USD, tăng 20,5%; máy móc thiết bị phụ tùng 1.844 triệu USD, tăng 2,8%; phương tiện vận tải và phụ tùng 1.796 triệu USD, tăng 9,7%; hàng nông sản 1.050 triệu USD, tăng 12,6%; xăng dầu 586 triệu USD, tăng 73,1%; giày dép và các sản phẩm từ da 263 triệu USD, tăng 1,2%; thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh 219 triệu USD, tăng 16,2%; hàng hóa khác 3.264 triệu USD, tăng 4,4%. Bên cạnh đó,

3/12 nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ: Hàng may, dệt 1.291 triệu USD, giảm 4,4%; gỗ và sản phẩm từ gỗ 427 triệu USD, giảm 10,8%; điện thoại và linh kiện 38 triệu USD, giảm 63,2%.

Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 7 tháng năm 2026

(So với cùng kỳ năm trước)



Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa: Tháng Bảy ước tính đạt 5.896 triệu USD, giảm 2,2% so với tháng trước và tăng 42,0% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước 4.926 triệu USD, giảm 2,2% và tăng 47,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 970 triệu USD, giảm 2,1% và tăng 19,2%.

Trong tháng Bảy, một số nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu tăng so với cùng kỳ: Máy móc thiết bị, phụ tùng 1.641 triệu USD, tăng 99,0%; xăng dầu 1.121 triệu USD, gấp 2,8 lần cùng kỳ năm trước; phương tiện vận tải và phụ tùng 769 triệu USD, gấp 2,1 lần; máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện 642 triệu USD, tăng 73,9%; sắt thép 277 triệu USD, tăng 53,8%; kim loại khác 271 triệu USD, tăng 47,0%; chất dẻo 170 triệu USD, tăng 31,1%; sản phẩm hóa chất 133 triệu USD, tăng 66,1%; hàng điện gia dụng và linh kiện 119 triệu USD, gấp 2,4 lần. Nhóm hàng hóa khác 384 triệu USD, giảm 70% so với cùng kỳ.

Tính chung 7 tháng năm 2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 37.313 triệu USD, tăng 41,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước 31.149 triệu USD, tăng 44,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 6.164 triệu USD, tăng 29,2%. Các nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu 7 tháng năm 2026 tăng so với cùng kỳ: Máy móc thiết bị, phụ tùng đạt 7.797 triệu USD, tăng 49,9%; xăng dầu 5.130 triệu USD, gấp 2,1 lần; phương tiện vận tải và phụ tùng 4.143 triệu USD, tăng 94,2%; máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện 2.863 triệu USD, tăng 51,6%; sắt thép 1.443 triệu USD, tăng 10,9%; kim loại

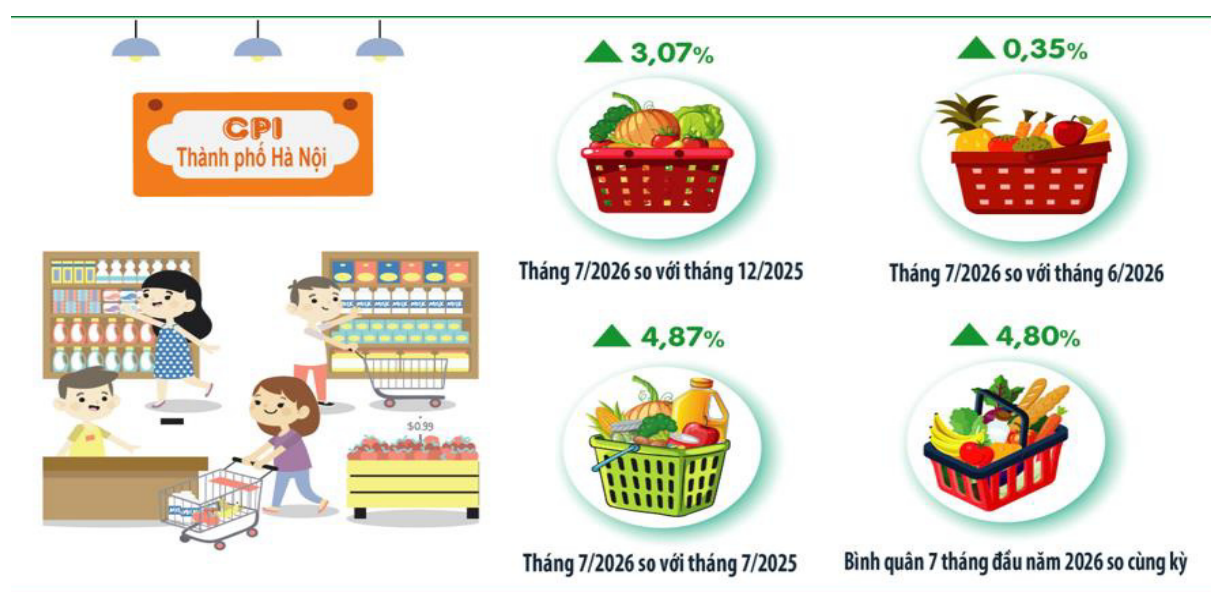
khác 1.328 triệu USD, tăng 23,7%; chất dẻo 934 triệu USD, tăng 10,9%; sản phẩm hóa chất 692 triệu USD, tăng 31,7%; sản phẩm chất dẻo 655 triệu USD, tăng 23,0%; hàng hóa khác 10.136 triệu USD, tăng 18,3%.

10. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Trong tháng 07/2026, các chính sách điều hành linh hoạt, hiệu quả của Chính phủ đã có những tác động đáng kể bình ổn giá xăng, dầu trong nước, góp phần hạn chế áp lực tăng giá đối với các mặt hàng tiêu dùng trên địa bàn Thành phố. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7/2026 tăng 0,35% so với tháng trước, tăng 3,07% so với tháng 12/2025 và tăng 4,87% so với tháng 7/2025. CPI bình quân 7 tháng năm 2026 tăng 4,80% so với bình quân 7 tháng năm 2025.

Nhìn chung, trong tháng 7/2026, thị trường Hà Nội tiếp tục phát triển ổn định, nguồn cung hàng hóa dồi dào, hệ thống phân phối hoạt động hiệu quả và đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng của người dân. Giá cả các mặt hàng thiết yếu chỉ biến động cục bộ theo yếu tố mùa vụ và thời tiết, không tạo áp lực lớn đến mặt bằng giá chung, góp phần thực hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn thành phố.

Chỉ số CPI tháng Bảy năm 2026



Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống: Tháng 7/2026, chỉ số giá tăng nhẹ 0,17% so với tháng trước và tăng 5,06% so với cùng kỳ tháng 7/2025. Bình quân 7 tháng năm 2026, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 5,12% so với bình quân cùng kỳ năm 2025, trong đó: Giá lương thực tăng 2,34% (gạo tẻ thường tăng 0,67%; gạo tẻ ngon tăng 2,31%); giá thực phẩm tăng 4,84% (thịt lợn tăng 8,22%; thịt bò tăng 3,15%; thịt gà tăng 4,12%; tôm tươi tăng 7,71%); giá dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng 6,90%.

Nhóm đồ uống và thuốc lá: Trong tháng 7/2026, chỉ số giá tăng 0,37% so với tháng trước và tăng 4,17% so với cùng kỳ tháng 7/2025. Bình quân 7 tháng năm 2026, chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,29% so với bình quân 7 tháng năm 2025 (trong đó bia tăng 2,60%; thuốc lá tăng 5,39%)

Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép: Chỉ số giá tháng 7/2026 tăng 0,67% so với tháng trước (trong đó vải các loại tăng 0,40%; quần áo may sẵn tăng 0,61%; dịch vụ may mặc tăng 0,17%) và tăng 2,69% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 7 tháng năm 2026, chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,11% so với bình quân 7 tháng năm 2025.

Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng: Trong tháng 7/2026, chỉ số giá tăng 0,92% so với tháng trước (bình quân giá điện sinh hoạt trong tháng tăng 2,14%; vật liệu xây dựng tăng nhẹ 0,12%; nhà ở cho thuê tăng 0,53%; giá dầu hỏa giảm 3,91%; giá gas giảm 1,53%). So với cùng kỳ tháng 7 năm trước, CPI nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 7,20%. Bình quân 7 tháng năm 2026, CPI nhóm này tăng 7,53% so với bình quân 7 tháng cùng kỳ năm 2025 (do giá dầu hỏa tăng 37,06%; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 32,43%; giá vật liệu xây dựng tăng 18,52%; giá nhà ở cho thuê tăng 8,90%; điện sinh hoạt tăng 4,91%).

Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình: Tháng 7/2026 tăng nhẹ 0,14% so với tháng trước (máy điều hòa nhiệt độ giảm nhẹ 0,12%; tủ lạnh tăng 0,45%) . So với cùng kỳ tháng 7/2025, chỉ số giá nhóm này tăng 3,48%. Bình quân 7 tháng năm 2026, nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 3,06% so với bình quân cùng kỳ 7 tháng năm 2025.

Nhóm thuốc và dịch vụ y tế: Tháng 7/2026, chỉ số giá tăng 0,11% so với tháng trước và tăng 0,60% so với tháng 7/2025. Bình quân 7 tháng năm 2026, CPI nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,38% so với bình quân 7 tháng cùng kỳ năm 2025.

Nhóm giao thông: Trong tháng 7/2026, chỉ số giá giảm 2,02% so với tháng trước (giá xăng bình quân tháng 7/2026 giảm 4,04%, giá dầu diesel giảm 9,19%). So với cùng kỳ tháng 7/2025, CPI nhóm giao thông tăng 4,02%. Tính chung 7 tháng năm 2026, CPI bình quân nhóm này tăng 6,13% so với CPI bình quân 7 tháng năm 2025 (xăng tăng 8,64%; dầu diesel tăng 34,16%; dịch vụ vận chuyển khách bằng đường hàng không tăng 82,05%).

Nhóm thông tin và truyền thông: Tháng 7/2026, chỉ số giá giảm nhẹ 0,10% so với tháng trước và giảm 0,61% so tháng 7/2025. Bình quân 7 tháng năm 2026, CPI nhóm này giảm 0,45% so với bình quân cùng kỳ năm 2025.

Nhóm giáo dục: Tháng 7/2026, chỉ số giá nhóm tăng 1,12% so với tháng trước và tăng 5,72% so với cùng kỳ tháng 7/2025. Bình quân 7 tháng năm 2026, CPI nhóm giáo dục tăng 4,73% so với bình quân 7 tháng năm 2025 (giáo dục đại học tăng 11,29%; giáo dục cao đẳng tăng 9,15%; giáo dục THCS tăng 4,03%).

Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch: Tháng Bảy là mùa cao điểm của du lịch nội địa, chỉ số giá tháng này tăng 1,60% so với tháng trước, tăng 4,83% so với cùng kỳ tháng 7/2025. Bình quân 7 tháng năm 2026, CPI nhóm này tăng 3,70% so với bình quân 7 tháng năm 2025 (trong đó du lịch trọn gói tăng 5,66%; khách sạn, nhà khách tăng 8,00%).

Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác: Chỉ số giá tháng 7/2026 tăng 1,51% so với tháng trước và tăng 4,23% so cùng kỳ tháng 7 năm trước. Bình quân 7 tháng năm 2026, chỉ số giá nhóm này tăng 3,09% so với bình quân 7 tháng năm 2025 (giá đồ trang sức tăng 53,81%, dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 4,02%). Từ 1/7/2026 lương cơ bản được điều chỉnh tăng lên 2.530.000đ/tháng (tăng thêm 190.000đ so với mức cũ là 2.340.000đ/tháng) theo nghị định số 161/2026/NĐ-CP của Chính phủ kéo theo bảo hiểm y tế cho cán bộ công chức và bảo hiểm y tế cho người lao động tự do tăng 8,12% so với tháng 7/2025.

Chỉ số giá bình quân một số nhóm hàng

7 tháng các năm 2022 – 2026 (So với bình quân cùng kỳ năm trước)

Đơn vị tính: %

	7 tháng năm 2022	7 tháng năm 2023	7 tháng năm 2024	7 tháng năm 2025	7 tháng năm 2026
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	103,38	100,99	105,35	103,29	104,80
<i>Trong đó:</i>					
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	102,64	103,80	103,28	102,83	105,12
Nhà ở, điện, nước, chất đốt, VLXD	104,19	100,53	106,19	108,02	107,53
Thuốc và dịch vụ y tế	100,43	100,35	104,15	115,41	100,38
Giao thông	115,86	95,80	102,91	96,81	106,13
Giáo dục	98,20	95,34	130,58	98,21	104,73
Văn hóa, giải trí và du lịch	103,78	103,24	100,64	103,95	103,70
Hàng hóa và dịch vụ khác	101,81	103,46	106,96	104,81	103,09
Chỉ số giá vàng	102,44	101,80	127,62	146,60	155,93
Chỉ số giá đô la Mỹ	99,83	102,67	105,72	103,35	101,75

Chỉ số giá vàng tháng 7/2026 giảm 0,67% so với tháng trước; giảm 4,30% so với tháng 12/2025 và tăng 22,98% so với cùng kỳ tháng 7/2025. Bình quân 7 tháng năm nay, chỉ số giá vàng tăng 55,93% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 7/2026 tăng 0,21% so với tháng trước, tăng 0,24% so với tháng 12/2025, tăng 0,65% so với cùng kỳ tháng 7/2025. Bình quân 7 tháng năm nay, chỉ số giá USD tăng 1,75% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

11. Tài chính, ngân hàng và thị trường chứng khoán

Công tác điều hành thu, chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn Thành phố 7 tháng năm 2026 đạt kết quả tích cực, đảm bảo các mục tiêu cân đối lớn và giữ vững kỷ cương tài chính quốc gia. Các tổ chức tín dụng trên địa bàn tiếp tục đẩy mạnh triển khai nhiều biện pháp hỗ trợ khách hàng, doanh nghiệp.

11.1. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách Nhà nước ước đến 31/7/2026 thực hiện 479,6 nghìn tỷ đồng, đạt 73,8% dự toán và tăng 7,5% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó: Thu nội địa 450,3 nghìn tỷ đồng, đạt 73,8% và tăng 6,2%; thu từ dầu thô 2,1 nghìn tỷ đồng, đạt 60,6% và tăng 18,2%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 26,8 nghìn tỷ đồng, đạt 73,2% và tăng 32,4%.

Một số lĩnh vực thu chủ yếu trong thu nội địa đến 31/7/2026: Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước thực hiện 58,3 nghìn tỷ đồng, đạt 69,9% dự toán và tăng 11,9% so cùng kỳ năm 2025; khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 28,8 nghìn tỷ đồng, đạt 68,2% và tăng 40,8%; khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước 123,6 nghìn tỷ đồng, đạt 86,8% và tăng 35,0%; thuế thu nhập cá nhân 37,4 nghìn tỷ đồng, đạt 53,8% và giảm 2,0%; thu tiền sử dụng đất 60,7 nghìn tỷ đồng, đạt 73,3% và bằng 78,4%; thu phí và lệ phí 18,4 nghìn tỷ đồng, đạt 61,4% và tăng 29,4%, thu lệ phí trước bạ 4,7 nghìn tỷ đồng, đạt 46,2% và bằng 98,3%.

Chi ngân sách địa phương ước đến 31/7/2026 thực hiện 121,8 nghìn tỷ đồng, đạt 45,8% dự toán và tăng 74,4% so cùng kỳ năm 2025, trong đó: Chi đầu tư phát triển 75,6 nghìn tỷ đồng, đạt 48,5% và gấp 2,3 lần cùng kỳ; chi thường xuyên 46,1 nghìn tỷ đồng, đạt 57,4% và tăng 23,3%.

11.2. Tín dụng ngân hàng

Tình hình thực hiện lãi suất: Thời điểm trong tháng 7/2026, lãi suất tiền gửi bằng VNĐ bình quân của các NHTM trong nước phổ biến ở mức 0,1 - 0,5%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 2,1 - 4,75%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng; 3,5 - 7,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng; 5,0 - 7,1%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng đến 24 tháng và 5,0 - 7,0%/năm đối với kỳ hạn trên 24 tháng. Lãi suất cho vay bình quân của NHTM trong nước với các khoản vay

ở mức 8,0 – 10,1%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số ngành lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao) bình quân khoảng 3,9%/năm thấp hơn mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa theo quy định của NHNN (4%/năm).

Hoạt động huy động vốn: Nguồn vốn huy động của các TCTD trên địa bàn gia tăng, đáp ứng nhu cầu cấp tín dụng của nền kinh tế và chấp hành các quy định về tỷ lệ đảm bảo an toàn của NHNN. Ước đến 31/7/2026, tổng nguồn vốn huy động của các TCTD trên địa bàn Thành phố ước tính đạt 7.462 nghìn tỷ đồng, tăng 0,81% so với cuối tháng trước và tăng 5,38% so với thời điểm kết thúc năm 2025, trong đó tiền gửi đạt 6.597 nghìn tỷ đồng³, tăng 0,85% và tăng 5,18%; phát hành giấy tờ có giá đạt 865 nghìn tỷ đồng, tăng 0,49% và tăng 6,92%.

Hoạt động tín dụng: Hoạt động tín dụng ngân hàng trên địa bàn đáp ứng nhu cầu vốn cho doanh nghiệp, người dân để duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ và tiêu dùng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xã hội, góp phần tăng nguồn thu ngân sách Thủ đô, hỗ trợ quá trình cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa. Ước đến 31/7/2026, tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn Thành phố đạt 6.250 nghìn tỷ đồng, tăng 1,87% so với cuối tháng trước và tăng 8,21% so với thời điểm kết thúc năm 2025, trong đó dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 2.408 nghìn tỷ đồng, tăng 0,93% và tăng 5,73%; dư nợ trung hạn và dài hạn đạt 3.842 nghìn tỷ đồng, tăng 2,47% và tăng 9,82%. Tính đến 31/7/2026, tỷ lệ nợ xấu của các TCTD chiếm 1,49% trong tổng dư nợ.

Tín dụng ngân hàng tính đến cuối tháng Bảy năm 2026

(So với thời điểm cuối năm 2025)



³ Tiền gửi tiết kiệm đạt 1.998 nghìn tỷ đồng, tăng 1,24% so với cuối tháng trước và tăng 9,32% so với thời điểm kết thúc năm 2025; tiền gửi có kỳ hạn (tiêu thức mới theo quy định của NHTW) đạt 3.231 nghìn tỷ đồng, tăng 0,70% và tăng 5,30%; tiền gửi thanh toán đạt 1.368 nghìn tỷ đồng, tăng 0,65% và giảm 0,57%.

Dư nợ cho vay theo chương trình tín dụng trên địa bàn Thành phố với 05 lĩnh vực ưu tiên như sau: Cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 21,47%; cho vay chương trình nông nghiệp, nông thôn chiếm 9,84%; cho vay xuất khẩu chiếm 5,08%; cho vay công nghiệp hỗ trợ chiếm 2,46%; cho vay doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao chiếm 0,42%.

11.3. Thị trường chứng khoán

Tính đến hết ngày 24/7/2026, trên cả hai sàn giao dịch chứng khoán (HNX và UPCoM) do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội quản lý có 1.122 doanh nghiệp được phép giao dịch, giảm 02 doanh nghiệp so với cuối tháng trước và giảm 71 doanh nghiệp so với cùng kỳ năm trước, trong đó: HNX có 299 doanh nghiệp và UPCoM có 823 doanh nghiệp. Giá trị niêm yết trên cả hai sàn đạt 675,1 nghìn tỷ đồng, tăng 2,44% so với cuối tháng trước và tăng 4,42% so với cuối tháng cùng kỳ năm trước, trong đó: HNX đạt 196,1 nghìn tỷ đồng, tăng 0,95% và tăng 16,11%; Upcom đạt 479,0 nghìn tỷ đồng, tăng 3,07% và tăng 0,28%. Giá trị vốn hóa toàn thị trường tại thời điểm đóng cửa phiên giao dịch ngày 24/7/2026 đạt 1.663 nghìn tỷ đồng, giảm 7,98% so với cuối tháng trước và giảm 9,18% so với cuối tháng cùng kỳ năm trước, trong đó HNX đạt 444,9 nghìn tỷ đồng, giảm 8,74% và tăng 11,57%; UPCoM đạt 1.218 nghìn tỷ đồng, giảm 7,70% và giảm 14,95%.

Thị trường cổ phiếu niêm yết (HNX): Tính đến hết giao dịch ngày 24/7/2026, khối lượng trung bình 1 ngày/tháng đạt 64,2 triệu CP được chuyển nhượng, tăng 18,7% so với trung bình 1 ngày/tháng trước và giảm 59,0% so với trung bình 1 ngày/tháng cùng kỳ năm trước; giá trị giao dịch trung bình 1 ngày/tháng đạt 1,14 nghìn tỷ đồng, tăng 22,2% và giảm 60,4%. Trong đó, giao dịch khớp lệnh (định kỳ và liên tục) trung bình 1 ngày/tháng đạt 60,5 triệu CP, tăng 29,8% và giảm 60,2%; giá trị trung bình 1 ngày/tháng đạt 1,08 nghìn tỷ đồng, tăng 34,2% và giảm 61,6%. Tính đến hết 24/7/2026, khối lượng giao dịch chung 7 tháng năm 2026 đạt 10,6 tỷ CP với giá trị chuyển nhượng đạt 211,8 nghìn tỷ đồng.

Hoạt động cấp mã giao dịch và số tài khoản của các nhà đầu tư (NĐT): Tháng Sáu, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp mới được 328 mã số giao dịch cho các NĐT nước ngoài (tổ chức 35 mã giao dịch; cá nhân 293 mã giao dịch). Số tài khoản giao dịch của các NĐT được cấp mới đến hết tháng 6 đạt 1.558 nghìn tài khoản.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Bảo đảm an sinh xã hội

Trong tháng Bảy, hướng tới kỷ niệm 79 năm ngày Thương binh, Liệt sĩ, thành phố Hà Nội tập trung hoàn thiện chính sách, nâng phụ cấp đối với thương binh nặng và mở rộng các mức trợ cấp ưu đãi, cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần cho người có công và thân nhân; đẩy mạnh các phong trào thi đua và hoạt động nghĩa tình, phát động phong trào toàn dân chăm sóc, giúp đỡ và động viên 100% thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ tại địa phương; thực hiện "Chiến dịch 500 ngày đêm tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ" và nhiều hoạt động thiết thực khác nhằm tri ân, đền ơn đáp nghĩa đối với người có công và thân nhân người có công với cách mạng.

Để góp phần đảm bảo an sinh xã hội, Thành phố tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với người có công với cách mạng. Trong tháng, Thành phố đã tiếp nhận và giải quyết 1.239 hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi đối với người có công, thân nhân người có công với cách mạng và các đối tượng liên quan. Tiếp nhận, thụ lý giải quyết 28 đơn thư của công dân. Các Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng người có công đã triển khai thực hiện điều dưỡng tập trung với 2.622 lượt người có công với tổng kinh phí gần 16 tỷ đồng.

Từ đầu năm 2026 đến nay, toàn Thành phố đã thực hiện chi trả trợ cấp ưu đãi hằng tháng cho 74.463 người với tổng số kinh phí chi trả trên 1.642 tỷ đồng, trong đó số chi trả qua tài khoản 74.393 người với số kinh phí 1.636 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 99,9%.

Nhân kỷ niệm 79 năm Ngày Thương binh, Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2026), Thành phố đã tổ chức đoàn đại biểu dâng hương tại nghĩa trang liệt sĩ tại tỉnh Quảng Trị, rà soát số liệu thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên đã từ trần, số liệu thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên đã từ trần được suy tôn liệt sĩ; tổng hợp danh sách 894 trường hợp người có công, thân nhân liệt sĩ có nhu cầu về xây mới, sửa chữa nhà ở, trong đó có 484 trường hợp thuộc diện xây mới nhà ở, 410 trường hợp thuộc diện sửa chữa nhà ở; tổ chức thăm tặng quà 19 đơn vị, tập thể với trị giá mỗi suất quà 17 triệu đồng/suất đối với các Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng người có công của Thành phố và các tỉnh liên kề có nuôi dưỡng thương, bệnh binh có nguyên quán tại Hà Nội.

Thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch “Chiến dịch 500 ngày đêm đẩy mạnh thực hiện tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ”; hướng tới kỷ niệm 80 năm ngày Thương binh, Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2027), khảo sát thực trạng mộ liệt sĩ chưa xác định được thông tin an táng trong nghĩa trang liệt sĩ Nhỏ, nghĩa trang liệt sĩ Mai Dịch, nghĩa trang liệt sĩ

Ngọc Hồi thành phố Hà Nội phục vụ lấy mẫu giám định ADN xác định danh tính hài cốt liệt sĩ, tổ chức lấy mẫu hài cốt Liệt sĩ tại nghĩa trang liệt sĩ Yên Viên, Xã Phù Đồng và tổng hợp nhu cầu di chuyển mộ trực đại lộ cảnh quan Sông Hồng và làm việc với 16 xã, phường về phương án di dời mộ khi triển khai dự án trục Đại lộ Sông Hồng.

2. Giải quyết việc làm

Để triển khai công tác giải quyết việc làm một cách hiệu quả, nhằm tăng cường kết nối giữa người lao động và người sử dụng lao động, Thành phố xây dựng Kế hoạch phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng công tác dự báo cung - cầu lao động; hoàn thiện cơ sở dữ liệu thị trường lao động; tăng cường kết nối với Sàn giao dịch việc làm quốc gia. Đồng thời, đôn đốc các địa phương triển khai hỗ trợ, phát triển thị trường lao động, giải quyết việc làm cho người lao động. Bên cạnh đó, Thành phố ban hành văn bản hướng dẫn, triển khai công tác khảo sát, thu thập thông tin cung - cầu lao động, đăng ký lao động, xây dựng hệ thống báo cáo, phân tích dữ liệu phục vụ công tác dự báo thị trường lao động và từng bước nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kết nối cung - cầu lao động. Khảo sát nhu cầu việc làm của người cao tuổi để triển khai các giải pháp kết nối và hỗ trợ người cao tuổi tham gia Phiên giao dịch việc làm lưu động, tìm kiếm việc làm phù hợp với khả năng và nhu cầu; hướng dẫn người lao động cao tuổi đăng ký tìm kiếm việc làm trên Cổng thông tin việc làm Thành phố.

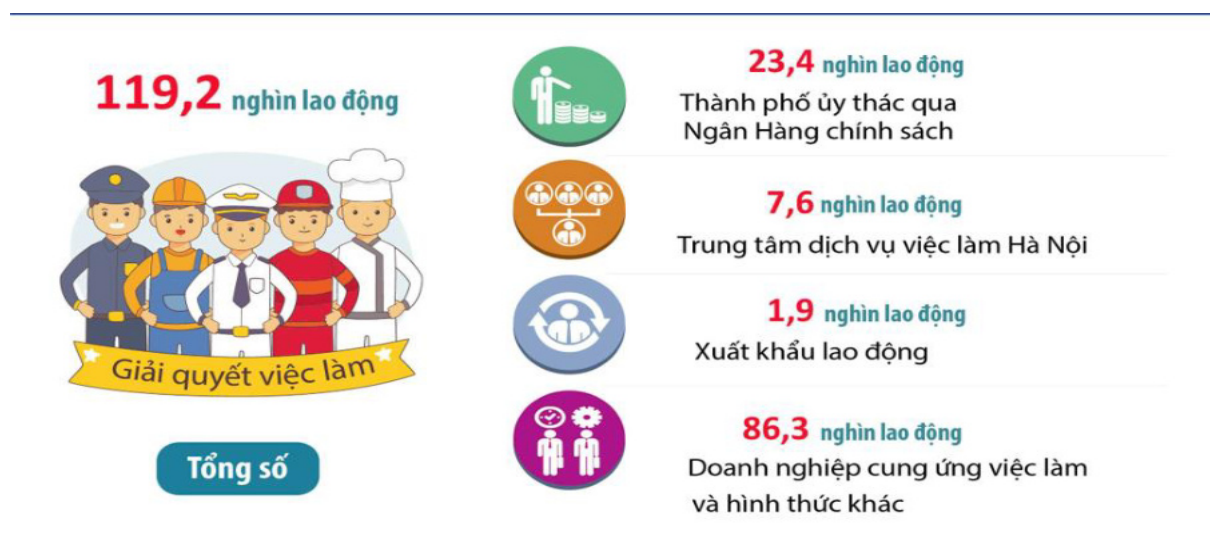
Trong tháng báo cáo (từ ngày 16/6/2026 đến 15/7/2026), Thành phố đã giải quyết việc làm cho 16,8 nghìn lao động. Trong đó giải quyết việc làm cho 2,2 nghìn lao động từ nguồn vốn ngân sách Thành phố ủy thác qua ngân hàng Chính sách xã hội với số tiền 306 tỷ đồng; 1,3 nghìn lao động nhận được việc làm sau khi phỏng vấn tại các phiên, sàn giao dịch việc làm, trung tâm dịch vụ việc làm; 292 lao động được giải quyết việc làm qua hình thức xuất khẩu lao động; và 13,0 nghìn lao động được giải quyết việc làm qua các hình thức khác.

Tính chung 7 tháng năm 2026, Thành phố đã giải quyết việc làm cho 119,2 nghìn lao động, đạt 69,6% kế hoạch cả năm, trong đó giải quyết việc làm cho 23,4 nghìn lao động từ nguồn vốn ngân sách Thành phố ủy thác qua ngân hàng Chính sách xã hội với số tiền 2.601 tỷ đồng; 7,6 nghìn lao động nhận được việc làm qua các phiên, sàn giao dịch việc làm và hoạt động giới thiệu việc làm tại Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Nội; hơn 1,9 nghìn lao động được giải quyết việc làm qua hình thức xuất khẩu lao động và 86,3 nghìn lao động được giải quyết việc làm qua các hình thức khác.

Cũng trong tháng, Thành phố ra quyết định hưởng BHTN cho 9.221 lao động, số tiền được hỗ trợ 315 tỷ đồng; 1.767 lao động hưởng trợ cấp BHTN được tư vấn, giới thiệu việc làm, hỗ trợ học nghề cho 68 người với số tiền 267

triệu đồng. Lũy kế từ đầu năm đến ngày 15/7/2026, Thành phố tiếp nhận 39.989 hồ sơ đề nghị hưởng BHTN; ra quyết định hưởng BHTN cho 37.346 người với số tiền hỗ trợ 1.418 tỷ đồng, 100% người lao động hưởng trợ cấp BHTN được tư vấn, giới thiệu việc làm. Hỗ trợ học nghề cho 568 người, với số tiền hỗ trợ học nghề hơn 2,3 tỷ đồng.

Giải quyết việc làm trên địa bàn thành phố Hà Nội 7 tháng năm 2026



3. Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội

Năm 2026, theo kế hoạch Thành phố giao: Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế (BHYT) đạt 96,25% dân số. Tỷ lệ tham gia Bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc đạt 49,0% số người trong độ tuổi lao động; số người tham gia BHXH tự nguyện đạt 4,0%. Số người tham gia Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) đạt 46,5% lực lượng lao động.

Theo Báo cáo của Bảo hiểm xã hội (BHXH) thành phố Hà Nội, tính đến hết tháng Bảy trên địa bàn Thành phố tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế (BHYT) đạt 96,33% dân số⁴ với 8.593 nghìn người tham gia, tăng 0,37% so với tháng trước, tăng 4,29% so với cùng kỳ năm 2025. Có 2.618 nghìn người tham gia BHXH bắt buộc⁵, chiếm 48,18% lực lượng trong độ tuổi lao động, tăng 1,35% và tăng 16,57%. Gần 150 nghìn người tham gia BHXH tự nguyện⁶, chiếm 3,71% lực lượng lao động trong độ tuổi, tăng 2,18% và tăng 17,45%. Số người tham gia Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) là 2.530 nghìn người⁷, chiếm 46,55%, tăng 1,28% và tăng 15,96%.

Tính đến hết tháng Bảy, tổng số tiền thu từ BHXH, BHYT, BHTN là 51,4 nghìn tỷ đồng, tăng 17,12% so với cùng kỳ năm 2025. Tổng chi BHXH, BHYT,

⁴ Chưa bao gồm lực lượng vũ trang và các trường hợp tham gia BHYT dưới 3 tháng, đang bảo lưu.

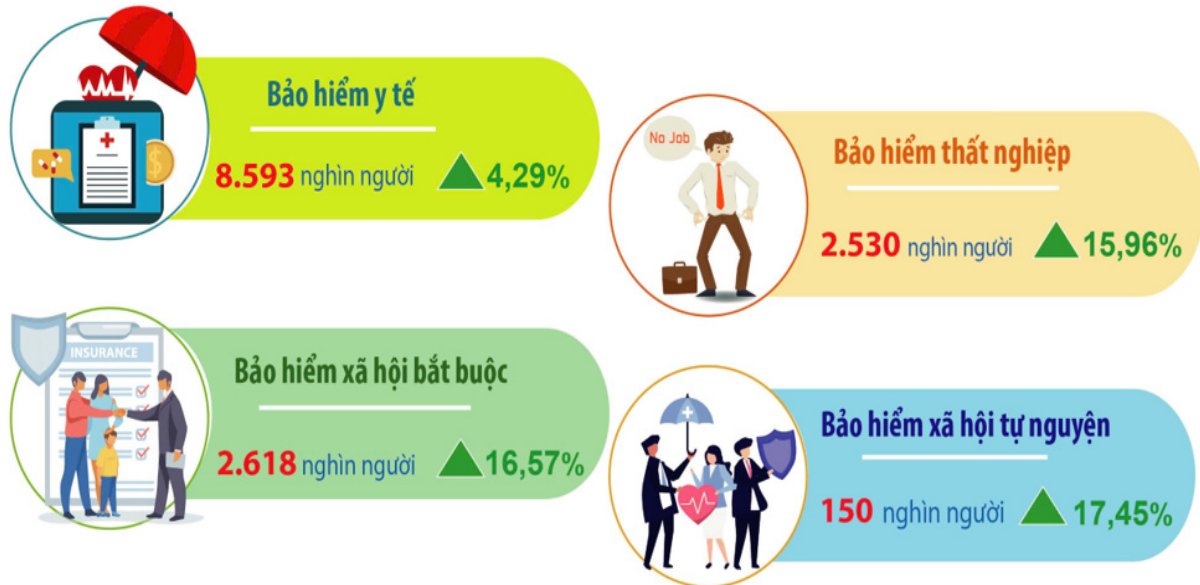
⁵ Chưa bao gồm lực lượng vũ trang và người đang bảo lưu.

⁶ Chưa bao gồm số người tham gia BHXH tự nguyện đang bảo lưu.

⁷ Chưa bao gồm số người đang bảo lưu.

BHTN là 52,7 nghìn tỷ đồng, tăng 4,0%, trong đó: Chi lương hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng là 29,2 nghìn tỷ đồng; chi khám chữa bệnh BHYT 18,5 nghìn tỷ đồng.

Số người tham gia Bảo hiểm trên địa bàn thành phố Hà Nội
Tính đến cuối tháng 7/2026 (so với cùng kỳ năm 2025)



4. Giáo dục, đào tạo và dạy nghề

Trong tháng Bảy, ngành Giáo dục trên địa bàn Thành phố đã cơ bản hoàn thành xong công tác thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2026 và tuyển sinh năm học 2026 - 2027.

Tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2026 - 2027 từ ngày 1/7 đến hết ngày 9/7/2026, các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội tiếp tục áp dụng phương thức tuyển sinh theo tuyến, dự kiến năm học này sẽ tuyển 94 nghìn trẻ nhà trẻ; 51,5 nghìn trẻ mẫu giáo; 147 nghìn học sinh vào lớp 1 và 161 nghìn học sinh vào lớp 6.

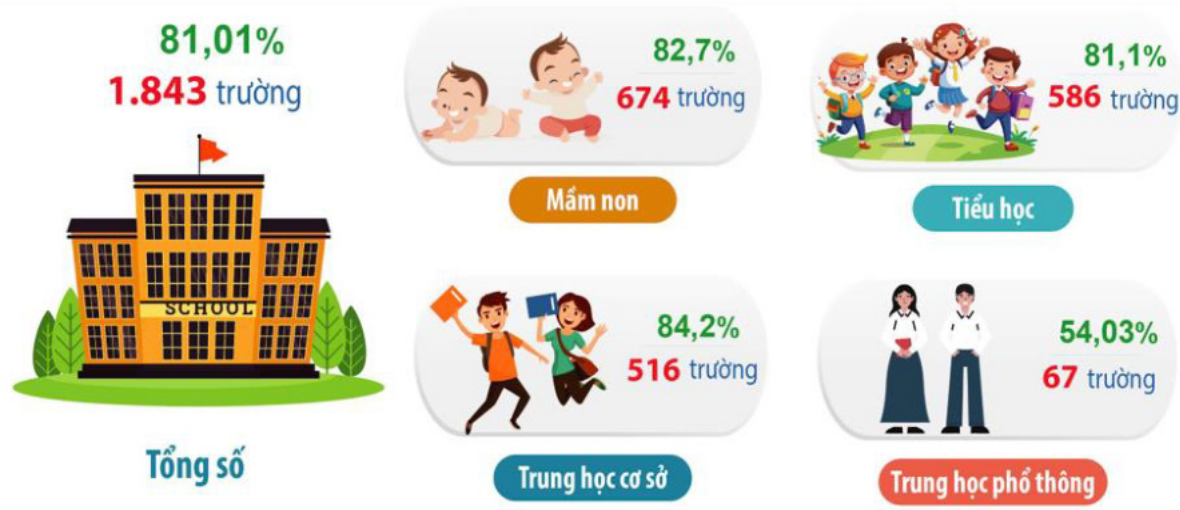
Đối với tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2026–2027, Hà Nội giao chỉ tiêu 115,5 nghìn học sinh vào các trường THPT, gồm 81,4 nghìn học sinh vào 124 trường công lập và công lập chất lượng cao, 34,1 nghìn học sinh vào 89 trường tư thục. Trong khối công lập có 2.730 chỉ tiêu tại 4 trường THPT chuyên, 78.318 chỉ tiêu tại 119 trường THPT công lập và 400 chỉ tiêu tại 1 trường công lập chất lượng cao. Ngoài ra, 29 trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên được giao tuyển 11,7 nghìn học viên; nâng tổng chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 trên địa bàn Thành phố lên 127,2 nghìn học sinh, học viên.

Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026: Diễn ra trong hai ngày 11 và 12/6/2026, toàn Thành phố có 129.173 thí sinh đăng ký dự thi, tăng hơn 5.000 thí sinh so với năm 2025 và chiếm khoảng 1/10 tổng số thí sinh của cả nước. Hà Nội tổ chức 222 điểm thi, huy động hơn 18,5 nghìn cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia, bảo đảm kỳ thi diễn ra an toàn, nghiêm túc, công bằng và đúng quy chế. Kết quả, thí sinh Hà Nội đạt 1.182 bài thi điểm 10, dẫn đầu cả nước về số điểm 10 ở nhiều môn; có 6 thí sinh đạt danh hiệu thủ khoa toàn quốc tại các tổ hợp xét tuyển đại học. Tính chung các môn thi, Hà Nội đứng thứ hai toàn quốc về điểm trung bình kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

Đến cuối tháng 7/2026, tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia đạt 81,01% với 1.843 trường (không tính các trường đặc thù có học sinh khuyết tật), trong đó: Mầm non đạt 82,7% với 674 trường; tiểu học đạt 81,1% với 586 trường; trung học cơ sở đạt 84,2% với 516 trường; trung học phổ thông đạt 54,03% với 67 trường.

Về giáo dục nghề nghiệp, trên địa bàn thành phố Hà Nội có 154 trường cao đẳng, trung cấp gồm 70 trường cao đẳng (26 trường do Trung ương quản lý, 10 trường công lập thuộc Thành phố, 25 trường tư thục, 03 trường tại địa phương khác có phân hiệu tại Hà Nội, 06 trường tại địa phương khác có địa điểm đào tạo tại Hà Nội), 84 trường trung cấp (09 trường do Trung ương quản lý, 09 trường công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, 61 trường tư thục, 02 trường tại địa phương khác có phân hiệu tại Hà Nội, 03 trường tại địa phương khác có địa điểm tại Hà Nội). Ước tính 7 tháng năm 2026, các Trường trên địa bàn Thành phố đã tuyển sinh được gần 21 nghìn người (trong đó 10,2 nghìn người trình độ cao đẳng, 10,8 nghìn người trình độ trung cấp). Có 17,4 nghìn học sinh, sinh viên tốt nghiệp trong đó có 8,9 nghìn người trình độ cao đẳng và 8,5 nghìn người trình độ trung cấp.

Số trường công lập đạt chuẩn quốc gia và tỉ lệ đạt chuẩn Trên địa bàn Thành phố đến cuối tháng 7/2026



5. Hoạt động Y tế và tình hình dịch bệnh

Hiện nay trên địa bàn thành phố Hà Nội có hệ thống Y tế Trung ương và địa phương lớn nhất cả nước đã góp phần tích cực bảo đảm sức khỏe nhân dân, ổn định xã hội và hỗ trợ phát triển kinh tế. Trong 7 tháng năm 2026, một số dịch bệnh theo mùa xuất hiện nhưng không ghi nhận ổ dịch lớn; công tác vệ sinh an toàn thực phẩm được Thành phố quan tâm thực hiện.

Hiện nay hệ thống Y tế công lập do Thành phố quản lý có 42 bệnh viện (25 bệnh viện đa khoa và 17 bệnh viện chuyên khoa); hệ thống y tế cơ sở gồm 126 Trạm y tế xã, phường trực thuộc UBND cấp xã (trong đó 449 điểm y tế và 55 phòng khám đa khoa); ngoài ra còn có 05 Trung tâm chuyên khoa và 11 cơ sở trợ giúp xã hội công lập. Hệ thống y tế thuộc Trung ương có 35 cơ sở y tế và hệ thống y tế trực thuộc các Bộ, ngành có 24 cơ sở. Hệ thống y tế ngoài công lập có 4.932 cơ sở cơ sở y tế gồm 49 bệnh viện (25 bệnh viện đa khoa, 24 bệnh viện chuyên khoa), 189 phòng khám đa khoa, 3.780 phòng khám chuyên khoa và cơ sở dịch vụ y tế, 914 cơ sở y học cổ truyền. Hành nghề được có 8.628 cơ sở gồm: 33 cơ sở sản xuất thuốc, 78 cơ sở nhập khẩu thuốc, 1.287 cơ sở bán buôn thuốc, 7.230 cơ sở bán lẻ thuốc. Hoạt động trợ giúp xã hội ngoài công lập có 37 cơ sở.

Theo báo cáo của Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội trong 7 tháng năm 2026, tình hình các dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn Thành phố tính đến 24/7/2026, cụ thể như sau: Bệnh tay chân miệng 4.184 ca mắc, tại 126 phường, xã với 69 ổ dịch (tăng 891 ca so với cùng kỳ năm trước). Bệnh sốt xuất huyết 871 ca mắc, tại 111 phường, xã với 30 ổ dịch (tăng 396 ca). Bệnh sởi 354 ca mắc, tại 109 phường, xã (giảm 3.941 ca). Bệnh ho gà 84 ca mắc, tại 49 phường, xã (tăng 65 ca). Bệnh uốn ván 13 ca mắc tại 10 phường, xã, trong đó 01 ca tử vong (giảm 06 ca). Covid-19 ghi nhận 588 ca mắc tại 109 phường, xã (giảm 1.543 ca). Cũng trong 7 tháng năm nay ghi nhận 08 ổ dịch đại trên đàn chó tại 6 xã, tất cả người bệnh phơi nhiễm đã được điều trị dự phòng. Các dịch bệnh khác không ghi nhận diễn biến bất thường.

Các dịch bệnh khác không ghi nhận diễn biến bất thường. Hiện nay, thời tiết nóng ẩm mưa nhiều của mùa hè làm cho bệnh sốt xuất huyết và các bệnh truyền nhiễm lây truyền qua đường hô hấp như Covid-19, cúm, thủy đậu, ho gà, sởi, rubella, adeno vi rút, chân tay miệng tiếp tục diễn ra. Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Ebola tại một số quốc gia châu Phi, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nội đã triển khai đồng bộ các biện pháp phòng chống, giám sát, kiểm dịch y tế nhằm phát hiện sớm, ngăn chặn nguy cơ dịch bệnh xâm nhập qua cửa khẩu hàng không quốc tế. Thành phố tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện kiểm soát nhiễm khuẩn tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, thực hiện việc sàng lọc, phân loại, cách ly nghiêm ngặt tất cả các trường hợp nghi ngờ hoặc xác định mắc virus Ebola tại cơ sở điều trị.

Tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm (ATTP) trong 7 tháng năm nay được Thành phố quan tâm, chú trọng. Công tác quản lý an toàn thực phẩm, chủ động phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm, không để ngộ độc thực phẩm đông người mắc và tử vong. Ngành Y tế đã thanh tra, kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố; các bếp ăn tập thể trường học, khu công nghiệp; cơ sở sản xuất, kinh doanh nước uống, đóng chai, nước đá dùng liền theo phân cấp... Chủ động giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm phục vụ các Hội nghị, sự kiện của Trung ương và Thành phố.

6. Hoạt động văn hóa, thể thao

Văn hóa thông tin: Trong tháng 7/2026, Thành phố tập trung thực hiện tốt công tác tuyên truyền cổ động trực quan phục vụ các sự kiện lớn như: Hội nghị công bố Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm và Xúc tiến đầu tư năm 2026; Lễ kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống lực lượng An ninh nhân dân và Chương trình Gala “Tổ quốc bình yên”; Đại hội Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Hà Nội lần thứ X, nhiệm kỳ 2026-2031. Bên cạnh đó, Thành phố đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, nghệ thuật quy mô và có ý nghĩa như Liên hoan Âm nhạc quốc tế Crescendo – Hà Nội 2026; triển lãm “Quốc Tử Giám trong nghệ thuật”; Xưởng thiết kế mùa hè “Re: Craft 2026 – Làng nghề tái sinh”; Tuần phim và các chương trình nghệ thuật kỷ niệm 79 năm Ngày Thương binh – Liệt sĩ, góp phần đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của Nhân dân và quảng bá hình ảnh Thủ đô sáng tạo, văn hiến, hiện đại.

Công tác trang trí, cổ động trực quan tập trung vào 02 sự kiện truyền truyền phục vụ Lễ kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống lực lượng An ninh nhân dân và Chương trình Gala “Tổ quốc bình yên” và kỷ niệm 79 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ với 1.040 chiếc băng rôn; 48 cụm pano (tương đương 479 m²); 02 cụm cột cờ khổ lớn, 436 chiếc Quốc kỳ, Đảng kỳ, 02 cụm Hồng kỳ, 150 chiếc Hồng kỳ. Cũng trong thời gian này, các cơ quan báo chí đã đăng tải khoảng 400 tin, bài về Luật Thủ đô; 509 tin, bài về các dự án trọng điểm trong Quy hoạch tổng thể Thủ đô tầm nhìn 100 năm và trên 43 tin, bài về an toàn thực phẩm. Sở ban hành 06 văn bản định hướng với 53 nội dung tuyên truyền; tổ chức công tác báo chí phục vụ Hội nghị công bố Quy hoạch tổng thể Thủ đô và Hội nghị xúc tiến đầu tư năm 2026 với khoảng 230 phóng viên trong nước, quốc tế; thực hiện 20 điểm thông tin báo chí...

Trong tháng 7 năm 2026, tại các di tích lịch sử do Thành phố quản lý đã tiếp đón 280,4 nghìn lượt khách cơ quan, đoàn thể và Nhân dân đến dâng hương và tham quan du lịch tất cả các ngày, doanh thu phí ước đạt gần 12,9 tỷ đồng.

Hoạt động văn hóa thư viện và nghệ thuật: Trong tháng, Thành phố tổ chức Đoàn Nghệ thuật quần chúng tham gia Hội diễn Dân, Hát dân ca 3 miền tại

thành phố Huế đạt 03 huy chương vàng, 01 huy chương bạc. Các câu Lạc bộ nghệ thuật quần chúng đã tổ chức 71 buổi sinh hoạt, 05 buổi biểu diễn, giao lưu với sự tham gia của 1.016 hội viên. Thành phố cũng tổ chức hoạt động chiếu phim tại Rạp Kim Đồng, Rạp 2/9 Sơn Tây và chiếu phim lưu động phục vụ nhiệm vụ chính trị tại các xã, phường và với 40 buổi thu hút 4,8 nghìn lượt người xem. Thành phố tiếp tục quan tâm đến hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp cũng như các hoạt động phục vụ chính trị, ngoại giao tạo ra các sản phẩm văn hóa có giá trị cao phục vụ người dân và du khách.

Tính chung tháng 7 năm 2026, tại 06 Nhà hát của Thành phố đã tổ chức biểu diễn được 167 buổi diễn, trong đó 34 buổi diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại; 133 buổi diễn có doanh thu ước đạt 4,3 tỷ đồng. Tại các thư viện thực hiện phục vụ đọc tại chỗ, cho mượn về nhà và qua không gian mạng với số lượng bạn đọc đạt 487,2 nghìn lượt; lượt tài liệu phục vụ đạt hơn 1 triệu lượt; số lượng bạn đọc cấp mới và đổi thẻ thư viện đạt 4,4 nghìn thẻ.

Hoạt động thể dục thể thao: Trong tháng Bảy, Thành phố tiếp tục cử các đoàn đi tập huấn và tham dự các giải đấu trong nước và quốc tế với 1.765 lượt người tham gia. Thành phố Hà Nội tham gia 37 đợt thi đấu trong nước với 05 cán bộ, 182 Huấn luyện viên (HLV), 1.196 vận động viên (VĐV) và 02 chuyên gia; có 12 đoàn tham gia thi đấu quốc tế với 135 người tham gia. Đồng thời, Thành phố cử lực lượng tham gia tập huấn trong nước với 16 HLV, 171 VĐV; 05 đợt tập huấn quốc tế gồm 01 cán bộ 10 HLV và 47 VĐV.

Thành tích thi đấu: Thể thao Hà Nội giành được 703 huy chương, cụ thể trong nước gồm 681 huy chương với 229 HCV, 207 HCB, 245 HCD và 22 huy chương quốc tế với 7 HCV, 08 HCB, 07 HCD.

Số Huy chương thể thao thành tích cao trong 7 tháng năm 2026



Tổng số 703 huy chương

Vàng



236 huy chương

Bạc



215 huy chương

Đồng



252 huy chương

Một số thành tích nổi bật trong thi đấu thể thao thành tích cao của Hà Nội như: Cấp Quốc gia có một số Bộ môn đã xuất sắc giành vị trí Nhất toàn đoàn tại các giải thi đấu như: Cờ, Bowling, Bắn cung, Đá cầu, Khiêu vũ thể thao Cử tạ, Muay, Boxing;. Cấp Quốc tế đạt Vô địch Karate Đông Nam Á với 05 HCV, 08 HCB, 01 HCD; Vô địch Khiêu vũ thể thao Châu Á với 02 HCV và 04 HCD.

7. Trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

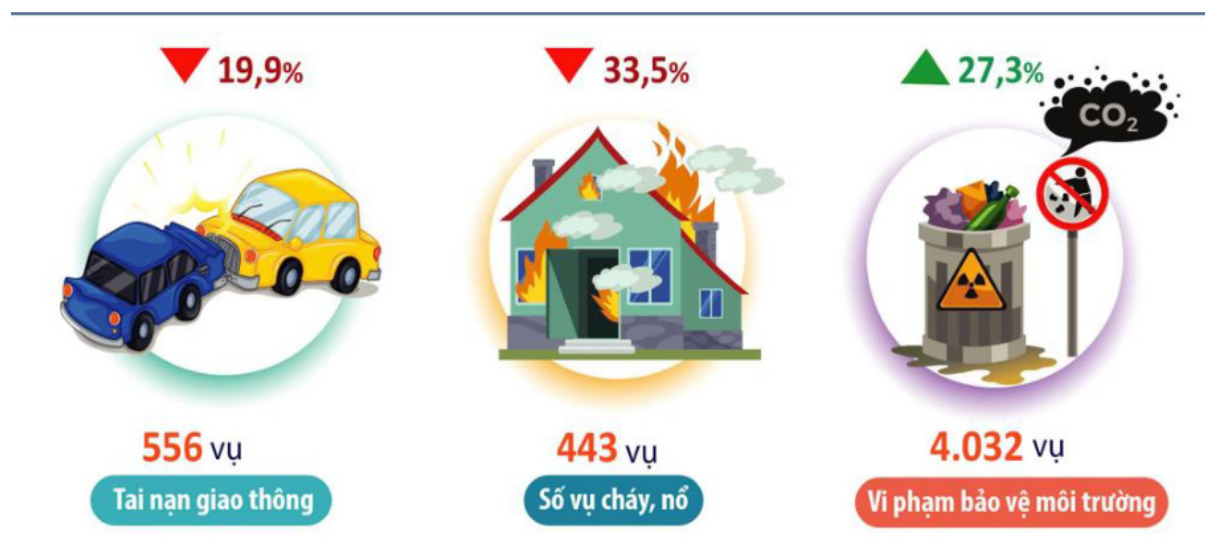
Trong tháng 7/2026, Công an thành phố Hà Nội tiếp tục tăng cường các biện pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; chủ động nắm chắc tình hình, bảo vệ an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị, văn hóa và những địa điểm tập trung đông người. Các lực lượng chức năng đẩy mạnh tuần tra, kiểm soát, phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; tăng cường quản lý cư trú, bảo đảm trật tự công cộng và an toàn phòng cháy, chữa cháy. Lực lượng Cảnh sát giao thông, Cảnh sát trật tự phối hợp với Công an các xã, phường tổ chức phân luồng, điều tiết giao thông tại các tuyến đường, nút giao và khu vực có nguy cơ ùn tắc; tập trung xử lý các hành vi vi phạm là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tai nạn giao thông, nhất là vi phạm nồng độ cồn, tốc độ, chở quá tải và không chấp hành tín hiệu giao thông. Đồng thời, Thành phố tăng cường kiểm tra, ngăn chặn tình trạng tụ tập, đua xe và cổ vũ đua xe trái phép, góp phần bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt. Theo số liệu tổng hợp của Công an thành phố Hà Nội, tình hình trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và phòng, chống cháy, nổ trong tháng Bảy và 7 tháng năm 2026 trên địa bàn Thành phố như sau:

Phạm pháp hình sự và tệ nạn xã hội: Trong tháng Bảy, trên địa bàn thành phố Hà Nội đã phát hiện 390 vụ phạm pháp hình sự, bắt giữ theo luật 395 đối tượng; phát hiện 231 vụ vi phạm pháp luật về kinh tế với 335 đối tượng, thu ngân sách 616,7 tỷ đồng; phát hiện 60 vụ cờ bạc, bắt giữ 199 đối tượng; triệt phá 279 vụ vi phạm pháp luật về ma túy, bắt giữ 596 đối tượng; số vụ xử lý hình sự 268 vụ, bắt giữ 542 đối tượng. Cộng dồn 7 tháng năm 2026, trên địa bàn Thành phố phát hiện 2.428 vụ phạm pháp hình sự, bắt giữ theo luật 2.623 đối tượng; xử lý 2.340 vụ vi phạm pháp luật về kinh tế, bắt giữ 2.775 đối tượng, thu nộp ngân sách 767,2 tỷ đồng; bắt giữ 441 vụ cờ bạc với 1.728 đối tượng; triệt phá 2.376 vụ vi phạm pháp luật về ma túy, bắt giữ 5.109 đối tượng; số vụ xử lý hình sự 2.275 vụ, bắt giữ 4.597 đối tượng.

An toàn giao thông: Trong tháng Bảy, trên địa bàn Thành phố đã xảy ra 80 vụ tai nạn giao thông làm 56 người chết và 50 người bị thương. Trong đó, xảy ra 79 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 56 người chết, 50 người bị thương và 01 vụ tai nạn giao thông đường sắt không gây thiệt hại về người. Chia theo mức độ nghiêm trọng, có 04 vụ tai nạn giao thông rất nghiêm trọng làm 08

người chết, 01 người bị thương; 49 vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng làm 48 người chết và 18 người bị thương; 27 vụ tai nạn ít nghiêm trọng và va chạm làm 31 người bị thương. Cộng dồn 7 tháng năm 2026, trên địa bàn Thành phố xảy ra 556 vụ tai nạn giao thông, giảm 19,9% so với cùng kỳ năm 2025; làm 373 người chết, giảm 1,6% và 310 người bị thương, giảm 37,9%.

**Số vụ tai nạn giao thông, cháy nổ và vi phạm môi trường
trên địa bàn Thành phố trong 7 tháng năm 2026 (So với cùng kỳ năm 2025)**



Về phòng chống cháy, nổ: Tháng Bảy trên địa bàn Thành phố xảy ra 45 vụ cháy làm chết 02 người và 01 người bị thương, trong đó, có 43 vụ cháy cấp I, 01 vụ cháy cấp II và 01 vụ cháy cấp III. Trong tháng 7 có 01 vụ nổ. Hiện các cơ quan chức năng đang tiếp tục xác minh nguyên nhân và đánh giá thiệt hại về tài sản do các vụ cháy gây ra. Cộng dồn 7 tháng năm 2026, trên địa bàn Thành phố xảy ra 443 vụ cháy, nổ giảm 33,5% so với cùng kỳ năm 2025; làm chết 10 người, giảm 33,3% và 15 người bị thương, gấp 2,1 lần cùng kỳ.

Bảo vệ môi trường: Trong tháng, phát hiện 442 vụ vi phạm về bảo vệ môi trường; xử lý 428 vụ với 436 đối tượng; thu nộp ngân sách 3.200 triệu đồng. Cộng dồn 7 tháng năm 2026, ghi nhận 4.032 vụ vi phạm về bảo vệ môi trường, xử lý 3.959 đối tượng, tăng 27,3% về số vụ và tăng 27,1% đối tượng so với cùng kỳ năm 2025; thu nộp ngân sách 25,2 tỷ đồng, tăng 74,1%.

Khái quát lại, tình hình kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội tháng Bảy năm 2026 tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực và khá toàn diện. Điểm sáng nổi bật là chỉ số sản xuất công nghiệp tăng cao 9,4%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 19,6%; doanh thu vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính chuyển phát tăng 24,7%; khách du lịch do cơ sở lưu trú phục vụ tăng 25,3%; vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản

lý đạt 16,4 nghìn tỷ đồng, tăng 94,7% là mức cao nhất trong nhiều năm. Hoạt động tín dụng tăng khá, thu ngân sách đạt tiến độ tích cực; tai nạn giao thông và số vụ cháy giảm so với cùng kỳ.

Bên cạnh những kết quả đạt được, một số hạn chế, khó khăn vẫn cần được quan tâm. Để đạt được mục tiêu tăng trưởng GRDP trong quý III đạt 12,54% như kịch bản đã đề ra thì tốc độ tăng các ngành, lĩnh vực chưa thật sự bứt phá, khó có thể đạt mục tiêu kế hoạch; một số ngành công nghiệp như sản xuất giường, tủ, bàn ghế và sản xuất trang phục còn giảm. Trong tháng Bảy, số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động tăng 48%, số doanh nghiệp giải thể tăng 96%; kim ngạch nhập khẩu tăng 42,0%, cao hơn nhiều so với mức tăng 14,8% của xuất khẩu, làm gia tăng mức nhập siêu. CPI tháng Bảy vẫn tiếp tục tăng cao 4,87% vượt ngưỡng kiểm soát 4,5% đề ra từ đầu năm, trong đó giá nhà ở, điện, nước, chất đốt, vật liệu xây dựng, dịch vụ ăn uống và giao thông tăng cao. Số lao động được giải quyết việc làm giảm 14,7%; một số dịch bệnh như tay chân miệng, sốt xuất huyết và ho gà gia tăng. Số người bị thương do cháy và số vụ vi phạm về bảo vệ môi trường cũng tăng so với cùng kỳ.

Trong những tháng tiếp theo, Thành phố cần: (1) Đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư công, tập trung tháo gỡ vướng mắc về thủ tục, giải phóng mặt bằng; ưu tiên nguồn lực cho các dự án giao thông, hạ tầng đô thị, thoát nước và công trình trọng điểm có khả năng lan tỏa, thúc đẩy tăng trưởng; (2) Thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ổn định nguồn nguyên liệu và mở rộng đơn hàng; đồng thời triển khai các chương trình kích cầu tiêu dùng, đa dạng hóa sản phẩm du lịch và nâng cao chất lượng dịch vụ; (3) Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến thương mại, tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường xuất khẩu và nâng cao năng lực cạnh tranh; (4) Bảo đảm cân đối cung - cầu hàng hóa, năng lượng và các mặt hàng thiết yếu; tăng cường phối hợp giữa cơ quan quản lý, doanh nghiệp sản xuất và hệ thống phân phối, chủ động phương án cung ứng, không để xảy ra thiếu hàng hoặc gián đoạn thị trường; (5) Kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp về vốn, mặt bằng sản xuất, thủ tục đầu tư, thuế và phí; tạo điều kiện tiếp cận tín dụng, các chính sách hỗ trợ và tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp với ngân hàng, nhà đầu tư và thị trường tiêu thụ; (7) Đẩy mạnh kết nối cung cầu lao động, tổ chức các phiên giao dịch việc làm theo chuyên đề; tăng cường đào tạo, đào tạo lại lao động gắn với nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp, nhất là trong các ngành công nghiệp công nghệ cao, thương mại, logistics, du lịch và dịch vụ; (8) Nâng cao hiệu quả thu hút và sử dụng vốn FDI, ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục và kịp thời tháo

gỡ khó khăn cho các dự án đã được cấp phép để sớm đưa vốn đăng ký vào thực hiện; (9) Tăng cường xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp khai thác thị trường mới, tận dụng các hiệp định thương mại tự do, phát triển thương mại điện tử và nâng cao năng lực logistics; đồng thời thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI nhằm nâng tỷ lệ nội địa hóa, hạn chế nhập khẩu những sản phẩm trong nước có khả năng sản xuất; 10) Theo dõi sát diễn biến cung - cầu và giá cả các mặt hàng thiết yếu, nhất là lương thực, thực phẩm, điện, nước, vật liệu xây dựng và dịch vụ vận tải; chủ động phương án dự trữ, điều hòa nguồn cung, tăng cường kiểm tra thị trường, ngăn chặn đầu cơ, tăng giá bất hợp lý, góp phần kiểm soát lạm phát./.

Nơi nhận:

- Cục Thống kê;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Sở Tài chính TP Hà Nội;
- Một số Sở, ngành Thành phố;
- UBND phường, xã;
- Thống kê một số tỉnh, TP;
- Đơn vị thuộc Thống kê HN;
- Lưu: VT, TH.



TRƯỞNG THỐNG KÊ

Phạm Hoài Nam

1. Một số chỉ tiêu chủ yếu 7 tháng năm 2026

	Đơn vị tính	Ước tính 7 tháng năm 2026	7 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 (%)
1. Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP)	%	-	108,9
2. Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý	Tỷ đồng	72210	171,8
3. Tổng mức bán ra và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Tỷ đồng	3027023	115,0
4. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Tỷ đồng	612393	114,7
5. Doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính chuyển phát	Tỷ đồng	178252	122,1
6. Khách du lịch đến Hà Nội (<i>do cơ sở lưu trú phục vụ</i>)	Nghìn lượt người	5324	126,9
<i>Trong đó: Khách quốc tế</i>	<i>Nghìn lượt người</i>	<i>3755</i>	<i>127,6</i>
7. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD	12815	107,6
8. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa	Triệu USD	37313	141,9
9. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	%	-	104,80
10. Tổng thu ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	479586	107,5
11. Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	121839	174,4

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đến ngày 20 tháng 7 năm 2026

	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ này	Thực hiện kỳ này so với cùng kỳ năm trước (%)
Nông nghiệp				
<i>Trồng trọt</i>				
Diện tích gieo trồng cây hàng năm				
Lúa vụ Đông xuân	Ha	79669	78508	98,5
Lúa vụ Mùa	Ha	68363	57019	83,4
Ngô	Ha	10509	9978	94,9
Khoai lang	Ha	1199	1213	101,2
Đậu tương	Ha	1089	1014	93,1
Lạc	Ha	1671	1928	115,4
Rau các loại	Ha	32128	31284	97,4
Đậu các loại	Ha	340	450	132,4
<i>Chăn nuôi</i>				
Trâu	Nghìn Con	28,1	26,7	95,0
Bò	Nghìn Con	114,9	108,8	94,7
Đàn lợn (không bao gồm lợn con chưa tách mẹ)	Nghìn Con	1259	1244	98,8
Gia cầm (Gà, vịt, ngan)	Nghìn Con	37754	38336	101,5
<i>Trong đó: gà</i>	<i>Nghìn Con</i>	<i>28496</i>	<i>28951</i>	<i>101,6</i>
Lâm nghiệp				
Diện tích rừng trồng mới tập trung	Ha	85	84	98,8
Sản lượng gỗ khai thác	M ³	11740	11158	95,0
Số cây lâm nghiệp trồng phân tán	Nghìn cây	378	360	95,2
Thủy sản				
	Tấn			
Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	22880	23000	100,5
Tổng sản lượng	Tấn	72512	75626	104,3
<i>Thủy sản nuôi trồng</i>	<i>Tấn</i>	<i>71632</i>	<i>74751</i>	<i>104,4</i>
Cá	Tấn	71619	74738	104,4
Thủy sản khác	Tấn	13	13	100,0
<i>Thủy sản khai thác</i>	<i>Tấn</i>	<i>880</i>	<i>875</i>	<i>99,4</i>

3. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng Bảy và 7 tháng năm 2026

	Đơn vị tính: %			
	Tháng 6 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 7 năm 2026 so với tháng trước	Tháng 7 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	7 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
TOÀN NGÀNH CÔNG NGHIỆP	109,3	101,5	109,4	108,9
Khai khoáng	115,8	88,7	103,3	105,9
Khai khoáng khác	115,8	88,7	103,3	105,9
Công nghiệp chế biến, chế tạo	108,5	101,8	109,1	108,8
Sản xuất chế biến thực phẩm	104,1	94,0	110,8	106,6
Sản xuất đồ uống	112,2	100,3	112,1	112,6
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	107,5	103,8	105,2	102,9
Dệt	108,1	107,9	109,9	105,9
Sản xuất trang phục	96,2	98,4	93,8	99,7
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	110,1	119,6	112,4	105,5
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	107,9	100,4	107,8	104,1
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	106,8	101,1	106,6	111,4
In, sao chụp bản ghi các loại	113,5	89,1	109,2	105,4
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	103,8	99,4	105,3	105,6
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	105,9	102,7	100,6	107,3
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	113,1	104,1	116,9	117,1
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	113,0	104,4	110,6	111,1
Sản xuất kim loại	115,5	107,2	114,6	115,7
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	103,8	104,7	106,7	105,1
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	124,5	102,5	122,3	118,1
Sản xuất thiết bị điện	105,4	97,9	109,8	110,1
SX máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	111,5	100,8	105,4	106,3
Sản xuất xe có động cơ	95,2	108,2	93,0	106,2
Sản xuất phương tiện vận tải khác	116,7	110,8	115,9	111,8
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	89,6	106,9	94,8	95,6
Công nghiệp chế biến chế tạo khác	102,8	92,7	107,7	104,4
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị	104,2	96,2	107,2	106,6

3. (Tiếp theo) Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng Bảy và 7 tháng năm 2026

	<i>Đơn vị tính: %</i>			
	Tháng 6 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 7 năm 2026 so với tháng trước	Tháng 7 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	7 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	116,1	100,7	111,3	109,8
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	116,1	100,7	111,3	109,8
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	112,0	96,6	114,2	109,1
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	111,7	95,6	113,9	110,7
Thoát nước và xử lý nước thải	103,2	90,9	105,3	103,1
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	114,8	98,9	116,6	108,9

4. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng Bảy và 7 tháng năm 2026

	Đơn vị tính	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	So với cùng kỳ năm trước (%)	
		tháng 6	tháng 7	7 tháng	Tháng 7	7 tháng
		năm	năm	năm	năm	năm
		2026	2026	2026	2026	2026
Đá xây dựng	Nghìn M ³	406	360	2149	103,3	105,9
Sữa và kem chưa cô đặc	Triệu Lít	11	11	90	67,6	81,5
Sữa và kem dạng bột	Tấn	373	374	1990	107,4	103,9
Kẹo cứng, kẹo mềm	Tấn	903	1035	7436	85,1	89,1
Bia các loại	Triệu Lít	50	49	269	113,4	113,7
Thuốc lá có đầu lọc	Triệu bao	183	190	1208	105,2	102,9
Quần áo người lớn (trừ sơ mi)	Nghìn cái	1049	1041	6743	89,0	108,0
Áo sơ mi cho người lớn dệt kim	Nghìn cái	2567	2538	16221	102,1	101,2
Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim	Nghìn cái	4817	4684	33808	82,2	95,9
Giày, dép	Nghìn đôi	467	640	2933	121,5	101,9
Cửa sổ, cửa ra vào bằng gỗ	M ²	4576	4442	31500	103,1	102,8
Bao bì và túi bằng giấy (trừ giấy nhãn)	Nghìn chiếc	6289	6052	38581	151,2	143,3
Thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhãn)	Triệu chiếc	76	77	473	106,6	117,1
Giấy và bìa nhãn	Tấn	7372	6841	46700	100,1	85,1
Băng vệ sinh, tã lót cho trẻ sơ sinh	Tấn	6341	6604	42192	107,9	111,2
Phân bón các loại	Nghìn tấn	31	28	206	108,2	108,6
Thuốc trừ sâu	Tấn	1522	1578	6875	102,5	85,4
Thuốc kháng sinh dạng viên	Tỷ viên	58	64	349	129,3	116,9
Thuốc kháng sinh dạng bột/ cốm	Tấn	15	16	86	107,4	95,4
Dược phẩm khác chưa phân vào đâu	Tấn	196	203	1380	96,9	114,1
Dung dịch đậm huyết thanh	Nghìn lít	4693	4755	33525	94,4	107,6
Cửa bằng plastic	Tấn	3810	4741	30110	178,4	167,6
Sản phẩm bằng plastic còn lại	Tấn	4447	4067	29368	89,3	104,0
Sản phẩm vệ sinh gắn cố định bằng gốm sứ	Nghìn cái	472	467	2461	109,6	120,5
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	Nghìn M ³	417	394	2308	157,6	160,8
Ống không nối, mặt cắt hình tròn bằng thép	Tấn	6146	6410	42394	102,0	107,5
Cửa bằng sắt, thép	Nghìn M ²	52	68	479	87,5	101,7
Mạch điện tử tích hợp	Triệu cái	167	170	1081	122,5	115,1

4. (Tiếp theo) Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng Bảy và 7 tháng năm 2026

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 6 năm 2026	Ước tính tháng 7 năm 2026	Ước tính 7 tháng năm 2026	So với cùng kỳ năm trước (%)	
					Tháng 7	7 tháng
					năm	năm
					2026	2026
Máy copy - in	Nghìn cái	895	946	5426	129,1	141,5
Trạm (thiết bị) thu phát gốc	Nghìn cái	140	130	1104	61,5	92,7
Máy biến thế điện các loại	Chiếc	6547	6436	31260	107,4	111,1
Tủ lạnh, loại sử dụng trong gia đình	Nghìn cái	50	49	241	122,9	94,1
Quạt công suất không quá 125W	Nghìn cái	213	223	1366	106,6	96,9
Dụng cụ đun nước nóng	Nghìn cái	27	27	205	91,7	95,8
Thiết bị khác dùng cho động cơ	Nghìn cái	3060	3611	21229	97,8	99,1
Phụ tùng khác của xe có động cơ	Triệu Cái	79	81	489	119,5	102,6
Bộ phận của tua bin phản lực và tua bin cánh quạt	Nghìn cái	8	13	72	125,8	103,4
Xe mô tô, xe máy xi lanh ≤ 250cc	Nghìn chiếc	43	47	306	96,3	141,6
Các bộ phận và phụ tùng của xe mô tô, xe máy và xe thùng khác	Nghìn tấn	44	44	268	119,7	107,6
Tủ bằng gỗ khác (trừ tủ bếp)	Nghìn chiếc	40	40	311	111,1	106,7
Bàn bằng gỗ các loại	Nghìn chiếc	373	391	2603	87,4	91,2
Ghế có khung bằng kim loại	Nghìn chiếc	192	246	1442	83,3	82,3
Điện thương phẩm	Triệu Kwh	3026	3046	16927	111,3	109,8
Nước máy thương phẩm uống được	Triệu M ³	46	42	264	109,4	112,2

5. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng Bảy và 7 tháng năm 2026

	Đơn vị tính: Tỷ đồng; %							
	KH	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	Tháng 7 năm 2026		7 tháng năm 2026	
	năm	tháng 6	tháng 7	7 tháng	so với		so với	
	2026	năm	năm	năm	tháng	cùng kỳ	Kế	cùng kỳ
		2026	2026	2026	trước	năm	hoạch	năm
						trước		trước
TỔNG SỐ	156001	13745	16412	72210	119,4	194,7	46,3	171,8
Vốn ngân sách Nhà nước cấp thành phố	97292	8434	10467	42584	124,1	273,7	43,8	229,0
Vốn cân đối ngân sách thành phố	89645	7699	9608	38619	124,8	356,0	43,1	298,0
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	36494	3225	3941	17361	122,2	310,1	47,6	301,4
Vốn TW hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	5104	361	438	2010	121,4	53,0	39,4	53,4
Vốn nước ngoài (ODA)	2118	328	371	1693	113,2	138,8	80,0	101,3
Xổ số kiến thiết	425	46	50	262	107,6	151,6	61,6	133,6
Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	58709	5311	5945	29626	111,9	129,1	50,5	126,4
Vốn cân đối ngân sách xã	33091	2753	3064	15882	111,3	492,2	48,0	804,6
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	20763	1345	1483	8023	110,3	285,3	38,6	489,0
Vốn TP hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	25618	2558	2881	13744	112,6	72,3	53,7	64,0

6. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội tháng Bảy và 7 tháng năm 2026

Đơn vị tính: Tỷ đồng; %

	Thực hiện tháng 6 năm 2026	Ước tính tháng 7 năm 2026	Ước tính 7 tháng 7 tháng năm 2026	Tháng 7 năm 2026 so với		7 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	
Tổng mức bán ra và doanh thu dịch vụ	461999	471100	3027023	102,0	119,8	115,0
<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>						
Nhà nước	33381	34200	241325	102,5	112,9	108,3
Ngoài Nhà nước	408058	416000	2649858	101,9	120,6	115,9
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	20560	20900	135840	101,7	116,7	110,0
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>						
Thương nghiệp	364838	371500	2461347	101,8	123,8	115,4
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	12811	13100	82834	102,3	115,7	113,7
Du lịch lữ hành	3400	3500	21579	103,0	119,1	114,6
Dịch vụ khác	80950	83000	461263	102,5	105,2	113,1
Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ	91411	93210	612393	102,0	119,6	114,7
<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>						
Nhà nước	11009	11200	73332	101,7	126,9	113,0
Ngoài Nhà nước	76759	78300	514903	102,0	118,8	115,1
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	3643	3710	24158	101,8	115,5	110,1
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>						
Bán lẻ hàng hóa	58206	59200	393977	101,7	123,8	116,5
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	12810	13100	82834	102,3	115,7	113,7
Du lịch lữ hành	3400	3500	21579	103,0	119,1	114,6
Dịch vụ khác	16995	17410	114003	102,4	109,8	109,3
<i>Cơ cấu tổng mức bán lẻ (%)</i>						
Nhà nước	12,0	12,0	12,0	-	-	-
Ngoài Nhà nước	84,0	84,0	84,1	-	-	-
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	4,0	4,0	3,9	-	-	-

**7. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng
tháng Bảy và 7 tháng năm 2026**

	Đơn vị tính: Tỷ đồng; %						
	Thực hiện	Ước tính	7 tháng		Tháng 7 năm 2026		7 tháng
	tháng 6	tháng 7	năm 2026		so với		năm 2026
	năm	năm	Tổng	Cơ	tháng	cùng kỳ	so với cùng kỳ
	2026	2026	mức	cấu	trước	năm trước	năm trước
TỔNG SỐ	91411	93210	612393	100,0	102,0	119,6	114,7
Bán lẻ hàng hóa	58206	59200	393977	64,4	101,7	123,8	116,5
Lương thực, thực phẩm	13206	13450	85461	14,0	101,8	123,1	115,9
Hàng may mặc	3920	3980	26377	4,3	101,5	118,7	114,4
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	6737	6865	45897	7,5	101,9	118,9	115,1
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	832	840	5710	0,9	101,0	109,3	109,0
Gỗ và vật liệu xây dựng	1370	1390	8126	1,3	101,4	119,3	117,9
Ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi)	6080	6220	41383	6,8	102,3	123,8	115,2
Phương tiện đi lại (trừ ô tô con, kể cả phụ tùng)	1265	1285	9234	1,5	101,6	126,6	113,2
Xăng, dầu các loại	10437	10690	68788	11,2	102,4	125,5	119,0
Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	690	700	4899	0,8	101,4	127,1	113,8
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	2111	2030	14455	2,4	96,2	124,3	130,4
Hàng hóa khác	10224	10400	74670	12,2	101,7	130,0	116,3
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	1334	1350	8977	1,5	101,2	124,1	114,1
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	12810	13100	82834	13,5	102,3	115,7	113,7
Dịch vụ lưu trú	1530	1600	9532	1,5	104,6	115,9	114,2
Dịch vụ ăn uống	11280	11500	73302	12,0	101,9	115,7	113,7
Du lịch lữ hành	3400	3500	21579	3,5	103,0	119,1	114,6
Dịch vụ khác	16995	17410	114003	18,6	102,4	109,8	109,3

8. Vận chuyển hành khách tháng Bảy và 7 tháng năm 2026

	Thực hiện tháng 6 năm 2026	Ước tính tháng 7 năm 2026	Ước tính 7 tháng năm 2026	Tháng 7 năm 2026 so với (%)		7 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	
HÀNH KHÁCH						
Vận chuyển (Nghìn người)	52168	52617	359346	100,9	125,2	124,2
Đường bộ	50658	51100	348997	100,9	124,3	123,4
Đường thủy nội địa	237	240	1591	101,0	124,3	117,0
Đường sắt	1273	1277	8758	100,3	182,0	167,4
Luân chuyển (Triệu người.km)	1463	1475	10116	100,8	120,2	119,8
Đường bộ	1450	1462	10026	100,8	119,9	119,6
Đường thủy nội địa	2	2	16	100,8	135,1	124,7
Đường sắt	11	11	74	105,7	182,2	166,7

9. Vận tải hàng hóa tháng Bảy và 7 tháng năm 2026

	Thực hiện tháng 6 năm 2026	Ước tính tháng 7 năm 2026	Ước tính 7 tháng năm 2026	Tháng 7 năm 2026 so với (%)		7 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	
Vận chuyển (Nghìn tấn)	168100	169473	1144058	100,8	111,1	108,7
Đường bộ	159862	161161	1088304	100,8	110,6	108,2
Đường ven biển và viễn dương	7581	7650	51203	100,9	123,0	120,2
Đường thủy nội địa	454	458	3125	100,8	110,9	110,7
Đường sắt	203	204	1426	100,9	104,7	106,9
Luân chuyển (Triệu tấn.km)	17829	17937	120681	100,6	121,5	118,4
Đường bộ	4639	4677	32320	100,8	107,1	107,3
Đường ven biển và viễn dương	13121	13190	87883	100,5	127,6	123,1
Đường thủy nội địa	55	55	376	100,1	113,8	113,6
Đường sắt	14	15	102	100,6	104,4	107,1

**10. Doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và
Bưu chính chuyển phát tháng Bảy và 7 tháng năm 2026**

Đơn vị tính: Tỷ đồng; %

	Thực hiện tháng 6 năm 2026	Ước tính tháng 7 năm 2026	Ước tính 7 tháng năm 2026	Tháng 7 năm 2026 so với		7 tháng năm 2026
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	so với cùng kỳ năm trước
TỔNG SỐ	26268	26406	178252	100,5	124,7	122,1
Vận chuyển hành khách	2953	2977	19753	100,8	137,0	132,1
Đường bộ	2911	2935	19476	100,8	136,7	131,9
Đường thủy nội địa	23	23	151	100,7	134,9	124,6
Đường sắt	19	19	126	100,4	217,9	190,0
Vận tải hàng hóa	11238	11278	74669	100,4	130,1	124,9
Đường bộ	6269	6295	42485	100,4	120,4	117,8
Đường ven biển và viễn dương	4859	4873	31432	100,3	145,6	136,3
Đường thủy nội địa	91	91	626	100,1	113,9	113,8
Đường sắt	19	19	126	100,6	119,7	118,3
Kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	10498	10566	73148	100,6	116,6	117,4
Bưu chính chuyển phát	1579	1585	10682	100,4	124,3	120,3

11. Khách du lịch tháng Bảy và 7 tháng năm 2026

Đơn vị tính: Nghìn lượt người; %

	Thực hiện tháng 6 năm 2026	Ước tính tháng 7 năm 2026	Ước tính 7 tháng năm 2026	Tháng 7 năm 2026 so với		7 tháng năm 2026
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	so với cùng kỳ năm trước
Khách đến Hà Nội (do cơ sở lưu trú phục vụ)	626	690	5324	110,2	125,3	126,9
a. Khách nội địa	233	235	1569	100,9	122,9	125,2
Chia ra						
- Khách trong ngày	104	105	695	101,0	122,1	123,4
- Khách ngủ qua đêm	129	130	874	100,8	123,6	126,7
b. Khách quốc tế	393	455	3755	115,7	126,5	127,6
Khách do cơ sở lữ hành phục vụ	369	380	2371	102,9	142,6	143,3
- Khách quốc tế	56	60	394	106,8	184,6	200,1
- Khách trong nước	313	320	1977	102,2	136,8	135,6

12. Kim ngạch xuất khẩu tháng Bảy và 7 tháng năm 2026

	Đơn vị tính: Triệu USD; %					
	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	Tháng 7 năm 2026		7 tháng
	tháng 6	tháng 7	7 tháng	so với		năm 2026
	năm	năm	năm	tháng	cùng kỳ	so với cùng kỳ
	2026	2026	2026	trước	năm trước	năm trước
TỔNG SỐ	2138	2154	12815	100,8	114,8	107,6
<i>Phân theo khu vực kinh tế</i>						
Khu vực kinh tế trong nước	1204	1211	7022	100,6	117,9	100,6
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	934	943	5793	101,0	111,1	117,5
<i>Phân theo nhóm hàng</i>						
Hàng nông sản	165	166	1050	100,3	129,9	112,6
<i>Trong đó: + Gạo</i>	52	52	286	100,5	86,5	88,9
+ Cà phê	27	27	319	100,9	219,2	133,8
Hàng may, dệt	221	224	1291	101,3	93,3	95,6
Giày dép các loại và SP từ da	45	46	263	101,1	99,3	101,2
Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện	320	324	1912	101,3	113,8	120,5
Hàng gốm sứ	20	20	125	100,6	105,8	106,4
Xăng dầu	123	124	586	100,7	212,0	173,1
Máy móc thiết bị phụ tùng	285	286	1844	100,5	91,0	102,8
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	34	34	219	100,3	114,9	116,2
Phương tiện vận tải và phụ tùng	329	331	1796	100,5	116,4	109,7
Gỗ và sản phẩm từ gỗ	64	64	427	100,4	112,6	89,2
Điện thoại và linh kiện	4	4	38	100,7	38,9	36,8
Hàng hoá khác	528	531	3264	100,7	131,3	104,4

13. Kim ngạch nhập khẩu tháng Bảy và 7 tháng năm 2026

	<i>Đơn vị tính: Triệu USD; %</i>					
	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	Tháng 7 năm 2026		7 tháng
	tháng 6	tháng 7	7 tháng	so với		năm 2026
	năm	năm	năm	tháng	cùng kỳ	so với cùng kỳ
	2026	2026	2026	trước	năm trước	năm trước
TỔNG SỐ	6030	5896	37313	97,8	142,0	141,9
Phân theo khu vực kinh tế						
Khu vực kinh tế trong nước	5039	4926	31149	97,8	147,6	144,7
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	991	970	6164	97,9	119,2	129,2
Phân theo nhóm hàng						
Máy móc thiết bị, phụ tùng	1678	1641	7797	97,8	199,0	149,9
Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện	657	642	2863	97,7	173,9	151,6
Phương tiện vận tải và phụ tùng	785	769	4143	97,9	207,4	194,2
Hàng điện gia dụng và linh kiện	122	119	644	97,7	243,1	139,0
Xăng dầu	1147	1121	5130	97,8	279,9	210,5
Sắt thép	284	277	1443	97,6	153,8	110,9
Chất dẻo	174	170	934	97,8	131,1	110,9
Thức ăn gia súc	83	81	443	98,2	126,9	105,3
Vải	101	100	629	98,5	111,9	105,4
Kim loại khác	277	271	1328	97,7	147,0	123,7
Ngô	71	69	476	97,3	141,3	153,4
Sản phẩm chất dẻo	122	119	655	97,6	143,9	123,0
Sản phẩm hóa chất	136	133	692	97,9	166,1	131,7
Hàng hóa khác	393	384	10136	97,7	30,0	118,3

14. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ tháng Bảy và bình quân 7 tháng năm 2026

	Tháng 7 năm 2026 so với:				Đơn vị tính: %
	Kỳ gốc	Tháng 7	Tháng 12	Tháng 6	Bình quân
	(2019)	năm	năm	năm	7 tháng năm 2026
		2025	2025	2026	so với cùng kỳ năm trước
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	110,35	104,87	103,07	100,35	104,80
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	107,60	105,06	101,61	100,17	105,12
<i>Trong đó: Lương thực</i>	108,72	102,85	101,08	100,00	102,34
<i>Thực phẩm</i>	106,97	104,42	100,40	100,18	104,84
<i>Ăn uống ngoài gia đình</i>	108,81	107,61	105,08	100,20	106,90
Đồ uống và thuốc lá	105,95	104,17	103,53	100,37	103,29
May mặc, mũ nón và giày dép	104,47	102,69	101,99	100,67	102,11
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	119,37	107,20	106,15	100,92	107,53
Thiết bị và đồ dùng gia đình	105,85	103,48	102,72	100,14	103,06
Thuốc và dịch vụ y tế	105,61	100,60	100,57	100,11	100,38
<i>Trong đó: Dịch vụ khám sức khỏe</i>	108,50	100,08	100,07	100,00	100,05
Giao thông	99,76	104,02	103,50	97,98	106,13
Thông tin truyền thông	99,85	99,39	99,47	99,90	99,55
Giáo dục	127,56	105,72	101,33	101,12	104,73
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	130,17	106,22	101,44	101,23	105,08
Văn hoá, giải trí và du lịch	102,84	104,83	104,75	101,60	103,70
Hàng hóa và dịch vụ khác	106,80	104,23	103,30	101,51	103,09
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	194,94	122,98	95,70	99,33	155,93
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	105,41	100,65	100,24	100,21	101,75

15. Thu - Chi ngân sách Nhà nước 7 tháng năm 2026

<i>Đơn vị tính: Tỷ đồng; %</i>			
	Ước tính 7 tháng năm 2026	7 tháng năm 2026 so với dự toán	7 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	479586	73,8	107,5
<i>Thu nội địa</i>	450306	73,8	106,2
Thu từ doanh nghiệp nhà nước	58335	69,9	111,9
Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	28771	68,2	140,8
Thu từ khu vực CTN-DV ngoài Nhà nước	123617	86,8	135,0
Thuế thu nhập cá nhân	37381	53,8	98,0
Thuế bảo vệ môi trường	1154	32,1	64,6
Thu phí, lệ phí cân đối ngân sách	18426	61,4	129,4
Lệ phí trước bạ	4709	46,2	98,3
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	315	4,2	10,1
Thu tiền sử dụng đất	60736	73,3	78,4
Thu tiền cho thuê đất, mặt nước	8712	58,1	70,7
Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	532	7,6	30,4
Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	305	71,7	124,3
Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	43614	82,8	90,7
Thu khác ngân sách	9641	48,2	117,9
<i>Thu từ dầu thô</i>	2120	60,6	118,2
<i>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</i>	26792	73,2	132,4
<i>Thu viện trợ không hoàn lại</i>	369	3304,3	295,5
TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (TP giao)	121839	45,8	174,4
<i>Chi đầu tư phát triển</i>	75629	48,5	233,1
<i>Chi thường xuyên</i>	46101	57,4	123,3

16. Tín dụng ngân hàng

<i>Đơn vị tính: Nghìn tỷ đồng; %</i>				
	Thực hiện đến 30/6/2026	Ước tính đến 31/7/2026	Ước đến 31/7/2026 so với 30/6/2026	Ước đến 31/7/2026 so với 31/12/2025
NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG	7402	7462	100,81	105,38
<i>Tiền gửi</i>	6541	6597	100,85	105,18
- Tiền gửi tiết kiệm	1973	1998	101,24	109,32
- Tiền gửi có kỳ hạn	3208	3231	100,70	105,30
- Tiền gửi thanh toán	1360	1368	100,65	99,43
<i>Phát hành giấy tờ có giá</i>	861	865	100,49	106,92
<i>Trong đó: Đồng Việt Nam</i>	<i>851</i>	<i>855</i>	<i>100,50</i>	<i>107,01</i>
TỔNG DƯ NỢ	6135	6250	101,87	108,21
<i>Phân theo kì hạn</i>				
Dư nợ ngắn hạn	2386	2408	100,93	105,73
Dư nợ trung và dài hạn	3749	3842	102,47	109,82
<i>Phân theo nội ngoại tệ</i>				
Dư nợ bằng VND	5909	6020	101,87	108,19
Dư nợ bằng Ngoại tệ	226	230	102,00	108,55

17. Trật tự, an toàn xã hội tháng Bảy và 7 tháng năm 2026

(Từ ngày 15 tháng 6 năm 2026 đến ngày 14 tháng 7 năm 2026)

	Đơn vị tính	Tháng 6 năm 2026	Tháng 7 năm 2026	7 tháng năm 2026	Tháng 7 năm 2026 so với (%)		7 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
					tháng trước	cùng kỳ năm trước	
Phạm pháp hình sự							
Số vụ phạm pháp hình sự	Vụ	315	390	2428	123,8	89,9	69,5
Số vụ phạm pháp do công an khám phá	Vụ	122	148	1328	121,3	67,6	68,2
Số đối tượng bị bắt giữ	Người	275	395	2623	143,6	114,5	79,7
Số vụ phát hiện vi phạm pháp luật về kinh tế	Vụ	315	231	2340	73,3	502,2	160,5
Số đối tượng bị xử lý	Người	368	335	2775	91,0	241,0	156,3
Số tiền xử phạt	Tỷ đồng	8	617	767	7373,3	2344,0	430,7
Tệ nạn xã hội							
Số vụ cờ bạc	Vụ	61	60	441	98,4	1200,0	242,3
Số đối tượng bị bắt giữ	Người	195	199	1728	102,1	995,0	208,2
Số vụ vi phạm pháp luật về ma túy	Vụ	350	278	2376	79,4	235,6	179,7
Số đối tượng bị bắt giữ	Người	857	596	5109	69,5	269,7	224,8
Số vụ xử lý hình sự	Vụ	305	268	2275	87,9	227,1	176,1
Số đối tượng bị bắt giữ	Người	691	542	4597	78,4	247,5	224,5
Tai nạn giao thông							
Số vụ tai nạn giao thông	Vụ	68	80	556	117,6	73,4	80,1
Đường bộ	"	67	79	546	117,9	73,8	80,1
Đường sắt	"	1	1	10	100,0	50,0	83,3
Số người chết	Người	40	56	373	140,0	96,6	98,4
Đường bộ	"	40	56	366	140,0	98,2	99,2
Đường sắt	"	-	-	7	-	-	70,0
Số người bị thương	"	40	50	310	125,0	56,8	62,1
Đường bộ	"	40	50	303	125,0	57,5	61,0
Đường sắt	"	-	-	7	-	-	350,0
Cháy, nổ							
Số vụ cháy, nổ	Vụ	62	45	443	72,6	66,2	66,5
Số người chết	Người	1	2	10	200,0	66,7	66,7
Số người bị thương	Người	2	1	15	50,0	-	214,3
Vi phạm môi trường							
Số vụ vi phạm đã phát hiện	Vụ	616	442	4032	71,8	1578,6	127,3
Số vụ đã xử lý	Vụ	622	428	3933	68,8	1528,6	127,3
Số đối tượng bị xử lý	Người	626	436	3959	69,6	1282,4	127,1
Số tiền xử phạt	Triệu đồng	2463	3200	25186	129,9	646,5	174,1